

VIỆN HÀN LÂM  
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM  
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

LÊ VĂN QUANG

THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỐ TRONG  
GIAI ĐOẠN ĐIỀU TRA CÁC VỤ ÁN XÂM PHẠM SỞ HỮU  
TỪ THỰC TIỄN HUYỆN LỘC NINH, TỈNH BÌNH PHƯỚC

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI - 2017

VIỆN HÀN LÂM  
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM  
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

LÊ VĂN QUANG

**THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỐ TRONG  
GIAI ĐOẠN ĐIỀU TRA CÁC VỤ ÁN XÂM PHẠM SỞ HỮU  
TỬ THỰC TIỄN HUYỆN LỘC NINH, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**Chuyên ngành: Luật hình sự và Tố tụng hình sự**

**Mã số : 60.38.01.04**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC**

**NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:**

**PGS. TS. Trần Văn Độ**

**HÀ NỘI - 2017**

## **LỜI CAM ĐOAN**

**Tôi: Lê Văn Quang**

Học viên Cao học Khóa VI.1 (2015-2017)

Chuyên ngành: Luật Hình sự và tố tụng hình sự.

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu, dữ liệu và một số kiến thức của các tác giả khác trong luận văn này được sử dụng trung thực, có đầy đủ nguồn dữ liệu đáng tin cậy theo quy định của một công trình khoa học. Kết quả nghiên cứu trong luận văn là trung thực và chưa từng được công bố tại bất kỳ công trình khoa học nào.

## MỤC LỤC

<b>MỞ ĐẦU</b> .....	<b>1</b>
<b>Chương 1 : MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỐ TRONG GIAI ĐOẠN ĐIỀU TRA VỤ ÁN VỀ CÁC TỘI XÂM PHẠM SỞ HỮU</b> .....	<b>7</b>
1.1. Điều tra các vụ án về các tội xâm phạm sở hữu.....	7
1.2. Thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự về tội xâm phạm sở hữu. ....	17
1.3. Khái niệm, đối tượng, phạm vi, nội dung và đặc điểm chức năng thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra vụ án xâm phạm sở hữu .....	20
<b>Chương 2 : THỰC TIỄN THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỐ TRONG GIAI ĐIỀU TRA ĐỐI VỚI CÁC TỘI XÂM PHẠM SỞ HỮU TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN LỘC NINH</b> .....	<b>33</b>
2.1. Tình hình tội phạm xâm phạm sở hữu trên địa bàn huyện Lộc Ninh từ năm 2011 đến năm 2015.....	33
2.2. Thực tiễn thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh đối với các tội xâm phạm sở hữu.....	35
<b>Chương 3 : DỰ BÁO TÌNH HÌNH VÀ GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỐ TRONG GIAI ĐOẠN ĐIỀU TRA ĐỐI VỚI CÁC TỘI XÂM PHẠM SỞ HỮU TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN LỘC NINH</b> .....	<b>46</b>
3.1. Dự báo các tình hình có liên quan đến hoạt động thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra các vụ án về các tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước. ....	46
3.2. Giải pháp tăng cường thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra các tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước. ....	49
<b>KẾT LUẬN</b> .....	<b>71</b>
<b>DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO</b> .....	<b>74</b>
<b>PHỤ LỤC</b>	

## DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

CQĐT	: Cơ quan điều tra
KSĐT	: Kiểm sát điều tra
KSND	: Kiểm sát nhân dân
THQCT	: Thực hành quyền công tố
TTHS	: Tố tụng hình sự
VAHS	: Vụ án hình sự
VKS	: Viện kiểm sát

## DANH MỤC CÁC BẢNG BIỂU

<b><i>Số hiệu bảng</i></b>	<b><i>Tên bảng</i></b>
Bảng 2.1:	Thống kê số lượng án xâm phạm sở hữu Cơ quan điều tra Công an huyện Lộc Ninh đã điều tra, xử lý
Bảng 2.2:	Thống kê số lượng án xâm phạm sở hữu Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh đã xử lý
Bảng 2.3:	Thống kê các loại tội xâm phạm sở hữu Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lộc Ninh đã điều tra, xử lý
Bảng 2.4:	Thống kê các loại tội xâm phạm sở hữu Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh đã xử lý
Bảng 2.5:	Thống kê kết quả thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra đối với việc khởi tố vụ án, khởi tố bị can của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh từ năm 2011 đến năm 2015
Bảng 2.6:	Thống kê kết quả thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra đối với việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh từ năm 2011 đến năm 2015
Bảng 2.7:	Thống kê kết quả kiểm sát tiếp nhận, xử lý tố giác, tin báo về tội phạm của Viện kiểm sát nhân dân Huyện Lộc Ninh

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự, Viện kiểm sát (VKS) có chức năng, nhiệm vụ thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra của Cơ quan điều tra (CQĐT) và các cơ quan khác được giao tiến hành một số hoạt động điều tra. Với chức năng nhiệm vụ đó, VKS giữ vai trò quan trọng trong giai đoạn điều tra, đảm bảo tính pháp chế của hoạt động điều tra, ngay từ khi khởi tố, bắt giữ người phạm tội, yêu cầu điều tra thu thập chứng cứ cho đến khi kết thúc điều tra nhằm làm rõ sự thật khách quan của vụ án, nhằm mục đích phát hiện nhanh chóng, chính xác điều tra, truy tố mọi tội phạm. Thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra của VKS hướng đến tính chính xác, khách quan của quá trình chứng minh sự thật của vụ án hình sự thuộc phạm vi trách nhiệm của CQĐT, bảo đảm việc truy cứu trách nhiệm hình sự có căn cứ và hợp pháp, ngăn ngừa xảy ra các trường hợp oan, sai, bỏ lọt tội phạm hoặc người phạm tội.

Thực hiện chủ trương của Đảng về cải cách tư pháp, từ khi có Nghị quyết số 08/NQ-TW ngày 02/01/2002 của Bộ chính trị “*về một số nhiệm vụ trọng tâm của công tác tư pháp trong thời gian tới*”, Công tác thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra các vụ án hình sự đã có nhiều chuyển biến tích cực, chất lượng phê chuẩn việc bắt, tạm giữ, tạm giam, phê chuẩn các quyết định khởi tố bị can, kiểm sát các hoạt động điều tra ngày càng nâng cao, đưa tỷ lệ bắt xử lý hình sự đạt 96%, tỷ lệ truy tố đạt 98-99%; hạn chế đáng kể các trường hợp phải đình chỉ điều tra do bị can không phạm tội và Tòa án tuyên bị cáo vô tội.

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác thực hành quyền công tố (THQCT) và kiểm sát điều tra (KSĐT) cũng như các hoạt động tiến hành tố tụng khác như điều tra, truy tố, xét xử, còn có những hạn chế yếu kém chung là còn được tiến hành theo nếp cũ, chưa kịp đổi mới tư duy; nhiều thủ tục còn rườm rà, phức tạp làm cho quá trình giải quyết vụ án chậm chạp, kéo dài, chi phí tiến hành tố tụng tốn kém; tình trạng BPNC bắt, tạm giam quá phổ biến; chưa có sự phân định hợp lý chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền của các cơ quan tiến hành tố tụng; cơ chế đảm

bảo quyền và nghĩa vụ của những người tham gia tố tụng còn bất cập, nhất là quyền bào chữa của bị can, bị cáo.

Để thực hiện các Nghị quyết của Đảng về cải cách tư pháp, khắc phục những tồn tại, hạn chế các hoạt động của VKS trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự, về phương diện lý luận đã đặt ra nhiều vấn đề cần nghiên cứu như đổi mới việc thực hiện chức năng THQCT theo phương hướng gắn với hoạt động điều tra; đổi mới phương thức KSĐT ngay từ khi tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm và trong suốt quá trình điều tra, nhằm bảo đảm không để lọt tội phạm và người phạm tội, không làm oan người vô tội, xử lý nghiêm minh các hành vi vi phạm pháp luật; góp phần thực hiện mục tiêu xây dựng nên tư pháp trong sạch, vững mạnh, dân chủ, nghiêm minh, bảo vệ công lý, từng bước hiện đại, phục vụ nhân dân, phụng sự Tổ quốc.

Xuất phát từ những yêu cầu khách quan của cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm, của cải cách tư pháp, xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam XHCN. Hiện nay, tại huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước chưa có công trình nào nghiên cứu về lý luận và thực tiễn thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra các vụ án hình sự. Đó là những lý do mà tác giả luận văn chọn đề tài ***“Thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra các vụ án xâm phạm sở hữu từ thực tiễn huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước”*** làm luận văn Thạc sĩ luật học tại Học viện Khoa học xã hội.

## **2. Tình hình nghiên cứu đề tài**

Trước yêu cầu của Chiến lược cải cách tư pháp từ nay đến năm 2020 và thực hiện Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2003, đặt ra tình hình nghiên cứu để hoàn thiện Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015 và chế định thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra các vụ án xâm phạm sở hữu nói riêng cũng như các giải pháp nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự. Vì vậy, những vấn đề lý luận và thực tiễn về chức năng thực hành quyền công tố, kiểm sát các hoạt động tư pháp trong vụ án hình sự của Viện kiểm sát nhân dân đã được nhiều tác giả quan tâm nghiên cứu như Sách chuyên khảo (2008), *Thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp trong giai đoạn điều tra*, của TS. Lê Hữu Thế đã đề



cập các quan điểm và lý luận chung về chức năng, nhiệm vụ của VKS trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự, đối tượng, phạm vi quyền công tố và kiểm sát điều tra các vụ án hình sự trong giai đoạn điều tra. Trong đó, mối quan hệ giữa quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp trong giai đoạn điều tra các vụ án hình sự là hai chức năng độc lập nhưng có quan hệ mật thiết với nhau. Công tác thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra các vụ án hình sự nói chung và các vụ án xâm phạm sở hữu nói riêng là nhiệm vụ hiến định quan trọng của Ngành.

TS. Nguyễn Hải Phong (chủ biên, năm 2014), *Một số vấn đề về Tăng cường trách nhiệm thực hành quyền công tố, gắn công tố với hoạt động điều tra theo yêu cầu cải cách tư pháp*, NXB Chính trị Quốc gia; GS.TS. Lê Văn Cẩm “*Bàn về hệ thống các cơ quan tiến hành tố tụng và thi hành án trong chiến lược cải cách tư pháp*”, Tạp chí kiểm sát số 01/2009; PGS.TS. Trần Văn Độ “*Một số vấn đề về quyền công tố*”, Hội thảo khoa học của Học viện khoa học xã hội (năm 2015); TS. Trần Công Phàn, “*Một số vấn đề về chủ trương tăng cường trách nhiệm công tố trong giai đoạn điều tra, gắn công tố với hoạt động điều tra theo yêu cầu cải cách tư pháp*”, tạp chí Kiểm sát số 03/2012; Hoàng Nghĩa Mai, “*nghiên cứu và tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm cải cách tư pháp của Công hòa Pháp và Cộng hòa Italia phù hợp với điều kiện cụ thể của Việt Nam*”, tạp chí Kiểm sát số 15/2012; Ths. Lê Đức Xuân, “*Giải pháp gắn công tố với hoạt động điều tra theo yêu cầu cải cách tư pháp*”, tạp chí Kiểm sát số 18/2011; TS. Lê Thị Tuyết Hoa, “*Thực trạng và một số kiến nghị nhằm tăng cường trách nhiệm công tố trong hoạt động điều tra, gắn công tố với hoạt động điều tra*”, tạp chí Kiểm sát số 08/2014; Nguyễn Mạnh Hiền, “*Nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử các vụ án kinh tế - chức vụ*”, tạp chí Kiểm sát số xuân 2012; Dương Văn Phùng, “*Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra các vụ án tham nhũng*”, tạp chí Kiểm sát số xuân 2013; Nguyễn Thị Thu Hồng luận văn Thạc sĩ luật học về “*Kiểm sát việc tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm từ thực tiễn tỉnh Lạng Sơn*” của Học viện KHXH, (2016); Trần Thị Thu Phương luận văn Thạc sĩ luật học về “*Thực hành quyền công tố đối với các tội xâm phạm sức*

*khỏe con người từ thực tiễn tỉnh Bình Định*”, của Học viện KHXH, (2016); Trần Thị Ngọc Thức luận văn Thạc sĩ luật học về “*Thực hành quyền công tố ở giai đoạn xét xử sơ thẩm theo pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam từ thực tiễn tỉnh Tiền Giang*” của Học viện KHXH, (2016).

Các công trình nghiên cứu liên quan đến mô hình tố tụng, chức năng trong tố tụng hình sự, liên quan đến các cơ quan bảo vệ pháp luật, và các tội xâm phạm sở hữu như: GS.TS. Võ Khánh Vinh (2004), *Bình luận khoa học Bộ luật tố tụng Hình sự Việt Nam*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội; GS.TS. Võ Khánh Vinh (2005), *Giáo trình các cơ quan bảo vệ pháp luật*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội; GS.TS. Võ Khánh Vinh (2014), *Luật hình sự Việt Nam phần các tội phạm*, Nxb khoa học xã hội.

Ngoài ra còn nhiều nghiên cứu khác có liên quan đến thực hiện chức năng thực hành quyền công tố của Viện kiểm sát nhân dân. Các công trình này nghiên cứu về nhiều góc độ, phạm vi khác nhau của chức năng thực hành quyền công tố. Qua kết quả khảo sát trên cho thấy, chưa có công trình nào nghiên cứu một cách có hệ thống và chuyên sâu về THQCT trong giai đoạn điều tra các vụ án xâm phạm sở hữu gắn với hoạt động thực hiện chức năng của VKSND huyện Lộc Ninh như công trình nghiên cứu trong luận văn của tác giả.

Trong quá trình thực hiện đề tài này, tác giả có tham khảo, tiếp thu quan điểm của các nghiên cứu, bài viết trước về thực hiện chức năng thực hành quyền công tố, trên cơ sở đó nêu lên quan điểm riêng của bản thân.

### **3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu**

#### *3.1. Mục đích của luận văn*

Trên cơ sở nghiên cứu những vấn đề lý luận và thực tiễn về chức năng thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra các vụ án hình sự nói chung và đối với các vụ án xâm phạm sở hữu nói riêng, kiến nghị hoàn thiện một số quy định của pháp luật tố tụng Hình sự và các giải pháp nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra các vụ án hình sự trên địa bàn huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước

### *3.2. Nhiệm vụ của luận văn*

Đề tài nghiên cứu của luận văn có những nhiệm vụ sau đây:

- Nghiên cứu những vấn đề lý luận và cơ sở pháp lý của thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra các vụ án xâm phạm sở hữu.

- Khảo sát thực tiễn THQCT trong giai đoạn điều tra của Viện KSND huyện Lộc Ninh đối với các vụ án xâm phạm sở hữu từ năm 2011 đến năm 2015; làm rõ những hạn chế và nguyên nhân của những hạn chế đó;

- Đề xuất, kiến nghị hoàn thiện một số quy định của Bộ luật Hình sự; Bộ luật tố tụng Hình sự và giải pháp nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra các vụ án xâm phạm sở hữu của Viện KSND huyện Lộc Ninh nói riêng và Viện KSND các cấp nói chung.

## **4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

### *4.1. Đối tượng nghiên cứu*

- Các nghiên cứu về THQCT nói chung, trong giai đoạn điều tra vụ án nói riêng;

- Các quy định pháp luật về THQCT;

- Hoạt động THQCT trong giai đoạn điều tra các vụ án xâm phạm sở hữu của VKSND huyện Lộc Ninh.

### *4.2. Phạm vi nghiên cứu*

Luận văn tập trung nghiên cứu những lý luận và thực tiễn áp dụng các quy định của pháp luật hiện hành về THQCT trong giai đoạn điều tra các vụ án xâm phạm sở hữu trong phạm vi không gian huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước, trong phạm vi thời gian từ 2011 đến 2015.

Luận văn chỉ nghiên cứu thực hành quyền công tố trong điều tra các vụ án về tội xâm phạm sở hữu quy định tại Chương XIV BLHS 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009).

## **5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu**

Luận văn được thực hiện dựa trên cơ sở phương pháp luận là phép biện chứng duy vật của chủ nghĩa Mác – Lênin; Tư tưởng Hồ Chí Minh, các chủ trương, chính sách của Đảng về Nhà nước pháp quyền, về cải cách tư pháp.

Các phương pháp nghiên cứu cụ thể được sử dụng là: Phương pháp nghiên cứu tài liệu; phương pháp thống kê; phương pháp khảo sát thực tiễn; phương pháp tổng hợp, phân tích; phương pháp so sánh.

## **6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn**

- Kết quả nghiên cứu của luận văn là làm sáng tỏ những vấn đề lý luận và quy định của pháp luật về thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra các vụ án xâm phạm sở hữu; đưa ra những giải pháp nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra các vụ án xâm phạm sở hữu tại Viện KSND huyện Lộc Ninh.

- Kết quả nghiên cứu của luận văn có ý nghĩa khoa học và thực tiễn. Luận văn góp phần làm phong phú thêm lý luận về chức năng thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra các vụ án xâm phạm sở hữu của Viện kiểm sát nhân dân. Kết quả nghiên cứu có thể áp dụng vào thực tiễn công tác thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra các vụ án xâm phạm sở hữu. Luận văn có thể dùng làm tài liệu tham khảo trong giảng dạy, học tập và nghiên cứu môn Tố tụng hình sự.

## **7. Cơ cấu của luận văn**

Ngoài phần mở đầu, phần kết luận và danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục, phần nội dung của luận văn được cấu trúc có 03 chương:

Chương 1: Nội dung vấn đề lý luận và pháp luật về thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra vụ án về tội xâm phạm sở hữu.

Chương 2: Thực tiễn thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra các vụ án xâm phạm sở hữu của Viện KSND huyện Lộc Ninh.

Chương 3: Giải pháp nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra các vụ án xâm phạm sở hữu của Viện KSND huyện Lộc Ninh.

## Chương 1

# NỘI DUNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ PHÁP LUẬT VỀ THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỐ TRONG GIAI ĐOẠN ĐIỀU TRA VỤ ÁN VỀ CÁC TỘI XÂM PHẠM SỞ HỮU

### 1.1. Điều tra các vụ án về các tội xâm phạm sở hữu

#### 1.1.1 Khái niệm, đặc điểm pháp lý các tội xâm phạm sở hữu

##### 1.1.1.1. Khái niệm

Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 quy định các tội xâm phạm sở hữu tại Chương XIV từ Điều 133 đến Điều 145 BLHS. Các tội xâm phạm sở hữu được quy định tại chương này là những hành vi nguy hiểm cho xã hội do người có năng lực trách nhiệm hình sự và đạt độ tuổi luật định thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý xâm hại đến quan hệ sở hữu được Bộ luật Hình sự quy định [ 33, tr. 161]. Đó là các tội: Tội cướp tài sản (Điều 133), tội bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản (Điều 134), tội cưỡng đoạt tài sản (Điều 135), tội cướp giết tài sản (Điều 136), tội công nhiên chiếm đoạt tài sản (Điều 137), tội trộm cắp tài sản (Điều 138), tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản (Điều 139), tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản (Điều 140), tội chiếm giữ trái phép tài sản (Điều 141), tội sử dụng trái phép tài sản (Điều 142), tội hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản (Điều 143), tội thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng đến tài sản Nhà nước (Điều 144), tội vô ý gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản (Điều 145).

Căn cứ vào tính chất của mục đích phạm tội, khoa học hình sự chia các tội xâm phạm sở hữu thành hai nhóm: (1) các tội có mục đích tư lợi (bao gồm 10 tội từ Điều 133 đến Điều 142 BLHS) và (2) nhóm các tội không có mục đích tư lợi (từ Điều 143 đến Điều 145 BLHS). Đối với nhóm các tội có mục đích tư lợi, dựa vào đặc điểm chung của hành vi phạm tội có thể chia thành nhóm có tính chất chiếm đoạt (bao gồm 8 tội từ Điều 133 đến Điều 140) và nhóm không có tính chất chiếm đoạt (gồm các Điều 141, 142).

Dù là loại tội nào, thì các tội xâm phạm sở hữu đều có đặc điểm chung là bằng cách tác động lên tài sản, người phạm tội xâm phạm quyền sở hữu (quyền

chiếm hữu, quyền sử dụng, quyền định đoạt) về tài sản của người khác. Hành vi xâm phạm đó có thể là chiếm đoạt, chiếm giữ hoặc sử dụng trái phép tài sản hoặc gây thiệt hại (huỷ hoại, làm hư hỏng hoặc vô ý gây thiệt hại) đến tài sản.

Như vậy, các tội xâm phạm sở hữu bao gồm các hành vi sau:

- Chiếm đoạt tài sản của người khác;
- Chiếm giữ tài sản; sử dụng trái phép tài sản của người khác;
- Cố ý làm hư hỏng hoặc huỷ hoại tài sản của người khác;
- Vô ý gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản của người khác.

Các hành vi này do người không ở trong tình trạng không có năng lực trách nhiệm hình sự đạt độ tuổi luật định thực hiện.

#### *1.1.1.2. Đặc điểm pháp lý của các tội xâm phạm sở hữu*

##### *- Khách thể của tội phạm*

Khách thể của tội quan hệ xâm phạm sở hữu là quan hệ sở hữu. Quan hệ sở hữu là quan hệ xã hội có nội dung là quyền của sở hữu tài sản (gồm quyền chiếm hữu, quyền sử dụng và quyền định đoạt) đối với tài sản. Bên cạnh quan hệ sở hữu là khách thể bắt buộc của tất cả các tội xâm phạm sở hữu, một số tội của chương này còn xâm phạm đến quyền nhân thân (ví dụ: Tội cướp tài sản, tội cưỡng đoạt tài sản...). Đây là trường hợp nhiều quan hệ xã hội đều là khách thể trực tiếp của tội phạm vì chúng đều thể hiện bản chất và tính nguy hiểm cho xã hội của tội phạm.

Đối tượng tác động của tội xâm phạm sở hữu là tài sản. Tài sản bao gồm vật có thực, tiền, giấy tờ trị giá bằng tiền và các quyền về tài sản. Giá trị của tài sản đó một phần hay toàn bộ là do sức lao động của con người tạo nên. Tài sản là đối tượng tác động của các tội xâm phạm sở hữu là tài sản của người khác; có thể là tài sản hợp pháp nhưng cũng có thể là tài sản bất hợp pháp. Tài sản là đối tượng tác động của các tội xâm phạm sở hữu luôn phải là tài sản có chủ. Những tài sản có tính chất đặc biệt không phải đối tượng của các tội xâm phạm sở hữu mà là đối tượng của tội phạm khác (ví dụ: Công trình, phương tiện quan trọng về an ninh quốc gia, ma túy, vũ khí...).[ 33, tr. 161-162]

##### *- Mặt khách quan của tội phạm*

Mặt khách quan của các tội phạm sở hữu nói chung bao gồm các dấu hiệu: Hành vi khách quan của tội phạm, hậu quả của tội phạm mối quan hệ nhân quả giữa hành vi và hậu quả đó.

Dựa trên tính chất hành vi khách quan của tội phạm, có thể phân chia các tội xâm phạm sở hữu thành hai nhóm là: 1) Các tội có tính chiếm đoạt; và 2) các tội không có tính chiếm đoạt. Nhóm thứ nhất gồm các tội được quy định từ Điều 133 BLHS đến Điều 140 BLHS. Các tội thuộc nhóm này đều bắt buộc phải có hành vi nhằm chiếm đoạt tài sản hoặc hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác như cướp tài sản, cưỡng đoạt tài sản... Một số tội thuộc nhóm này được xây dựng dưới dạng cấu thành tội phạm hình thức với dấu hiệu bắt buộc thuộc mặt khách quan của tội phạm chỉ gồm hành vi nhằm chiếm đoạt tài sản tương ứng. Các tội này được quy định tại Điều 133, 134 và 135 BLHS. Trong khi đó, một số tội khác thuộc nhóm này được xây dựng dưới dạng cấu thành vật chất với các dấu hiệu bắt buộc thuộc mặt khách quan của cấu thành tội phạm gồm: Hành vi chiếm đoạt tài sản tương ứng, hậu quả của tội phạm và mối quan hệ nhân quả giữa hành vi và hậu quả. Các tội này được quy định từ Điều 136 đến Điều 140 BLHS. Nhóm thứ 2 gồm các tội từ Điều 141 đến Điều 145 BLHS. Các tội thuộc nhóm này lại gồm các tội có động cơ vụ lợi (gồm tội chiếm giữ trái phép tài sản và tội sử dụng trái phép tài sản) và các tội không có động cơ vụ lợi (ví dụ: Tội hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản, tội thiếu trách nhiệm gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản của Nhà nước).

Các hành vi phạm tội thuộc chương này có thể được thực hiện bằng hình thức hành động phạm tội và bằng không hành động. Có hành vi chỉ được thực hiện bằng hành động (ví dụ: Hành vi nhằm chiếm đoạt tài sản ở tội cướp tài sản, hành vi cướp giật tài sản); có hành vi được thực hiện bằng không hành động (ví dụ: Hành vi không trả lại tài sản trong tội chiếm giữ trái phép tài sản). Hậu quả mà hành vi nói trên gây ra trước hết là những thiệt hại gây ra cho quan hệ sở hữu.

Ngoài ra, một số tội xâm phạm sở hữu còn có thể gây thiệt hại về tính mạng, sức khỏe, tự do thân thể của người khác (ví dụ: Tội cướp tài sản).

*- Chủ thể của tội phạm*

Hầu hết các tội thuộc chương này có chủ thể thường, trừ tội thiếu trách nhiệm gây thiệt hại đến tài sản của Nhà nước là tội có chủ thể đặc biệt.

- *Mặt chủ quan của tội phạm*

Trong nhóm các tội xâm phạm sở hữu có những tội được thực hiện với lỗi cố ý và các tội được thực hiện với lỗi vô ý. Các tội được quy định từ Điều 133 đến Điều 143 BLHS được thực hiện với lỗi cố ý. Các tội được quy định tại Điều 144 và Điều 145 BLHS được thực hiện với lỗi vô ý.

Động cơ tư lợi là dấu hiệu bắt buộc ở các tội chiếm đoạt tài sản, tội chiếm giữ trái phép tài sản và tội sử dụng trái phép tài sản [33, tr. 162-163- 164].

Như vậy, các tội xâm phạm sở hữu, đặc biệt là các tội chiếm đoạt tài sản khác nhau và khác với các tội khác ở mặt khách quan, chủ yếu là ở phương thức, thủ đoạn phạm tội. Cụ thể là:

- Tội cướp tài sản (Điều 133) được thực hiện bằng hành vi dùng vũ lực hoặc đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc hoặc hành vi khác như sử dụng thuốc ngủ, thuốc hướng thần... để chiếm đoạt tài sản.

- Tội bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản (Điều 134) được thực hiện bằng hành vi đe dọa dùng vũ lực hoặc bằng thủ đoạn khác làm con tin để chiếm đoạt tài sản.

- Tội cưỡng đoạt tài sản (Điều 135) được thực hiện bằng hành vi đe dọa dùng vũ lực hoặc bằng thủ đoạn khác uy hiếp tinh thần đối với người khác nhằm chiếm đoạt tài sản.

- Tội cướp giật tài sản (Điều 136) được thực hiện bằng hành vi công khai và nhanh chóng chiếm đoạt tài sản của người khác.

- Tội công nhiên chiếm đoạt tài sản (Điều 137) được thực hiện bằng hành vi công khai chiếm đoạt tài sản của người khác trong điều kiện chủ tài sản không có điều kiện để ngăn cản.

- Tội trộm cắp tài sản (Điều 138) được thực hiện bằng hành vi lén lút để chiếm đoạt tài sản của người khác.

- Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản (Điều 139) được thực hiện bằng hành vi dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của người khác.



- Tội lạm dụng tín nhiệm để chiếm đoạt tài sản (Điều 140) được thực hiện bằng hành vi chiếm đoạt một phần hay toàn bộ tài sản đã được giao trên cơ sở thỏa thuận đã được cam kết giữa chủ tài sản với người có hành vi chiếm đoạt khi thuộc một trong hai trường hợp: Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận tài sản của người khác bằng các hình thức hợp đồng rồi dùng thủ đoạn gian dối hoặc bỏ trốn để chiếm đoạt tài sản; Vay, mượn, thuê tài sản hoặc nhận tài sản của người khác bằng các hình thức hợp đồng và đã sử dụng tài sản vào mục đích bất hợp pháp dẫn đến không có khả năng trả lại tài sản.

### ***1.1.2. Điều tra vụ án về tội xâm phạm sở hữu***

#### ***1.1.2.1. Khái niệm điều tra các vụ án hình sự***

Điều tra tội phạm là giai đoạn rất quan trọng trong TTHS. Giai đoạn này kéo dài, rất phức tạp và có ý nghĩa chi phối cả tiến trình tố tụng. Đặt giai đoạn điều tra trong mối quan hệ với các hoạt động tố tụng khác. Điều tra tội phạm là hoạt động tư pháp, do các CQĐT thực hiện.

CQĐT trong TTHS được quy định tại Điều 110 BLTTHS, bao gồm CQĐT trong Công an nhân dân, trong Quân đội nhân dân và của Viện KSND tối cao, Viện KSQS Trung ương. Ngoài ra, pháp luật tố tụng hình sự còn quy định các cơ quan khác thực hiện một số nhiệm vụ điều tra như Cơ quan Hải quan, Kiểm lâm, Bộ đội biên phòng, Cảnh sát biển.

Pháp luật tố tụng hình sự (TTHS) Việt nam chưa có khái niệm pháp lý về giai đoạn TTHS. Tuy nhiên, Bộ luật TTHS năm 2003 phân chia các giai đoạn tố tụng một cách rõ nét, theo đó quá trình giải quyết một vụ án hình sự phải trải qua các giai đoạn khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án. Tương ứng với đó, mỗi giai đoạn có nhiệm vụ, chủ thể, trình tự, thủ tục, thời hạn cụ thể nhằm phục vụ mục đích chung của toàn bộ quá trình tố tụng. Bên cạnh đó, trên phương diện khoa học luật TTHS, căn cứ vào cơ quan và người tiến hành tố tụng, các nhà nghiên cứu cũng chia quá trình tố tụng thành các giai đoạn: Khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án bản án và quyết định của Tòa án. Như vậy, có thể thấy cả trên phương diện lý luận cũng như quy định của pháp luật, điều tra được coi là một giai đoạn tố tụng độc

lập. Trong quá trình điều tra, một mặt phải đảm bảo các yêu cầu của luật TTHS về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, đồng thời áp dụng các phương pháp, thủ thuật chiến thuật, kỹ thuật điều tra để phát hiện, thu thập chứng cứ làm sáng tỏ sự thật của vụ án hình sự để làm cơ sở cho việc xử lý đúng quy định của pháp luật.

Trên cơ sở đó tác giả đưa ra khái niệm điều tra vụ án hình sự như sau: *Điều tra vụ án hình sự là một giai đoạn tố tụng hình sự do cơ quan có thẩm quyền tiến hành bằng các biện pháp theo quy định của pháp luật nhằm thu thập tài liệu, chứng cứ làm rõ sự thật của vụ án, chứng minh tội phạm trước pháp luật, đảm bảo giải quyết đúng đắn vụ án hình sự và góp phần phòng ngừa tội phạm.*

Trong quá trình giải quyết vụ án, giai đoạn điều tra có vai trò hết sức quan trọng. Bởi lẽ, điều tra vụ án hình sự (VAHS) là giai đoạn thu thập chứng cứ để chứng minh tội phạm, người thực hiện hành vi phạm tội, xác định tính chất và mức độ thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra. Kết quả điều tra vừa là cơ sở để Viện kiểm sát (VKS) quyết định truy tố, vừa là cơ sở để Tòa án đưa ra xét xử. Tác động của kết quả điều tra đối với công tác truy tố, xét xử không chỉ thể hiện ở số lượng, chất lượng chứng cứ mà còn là nhận định, đánh giá tội phạm, áp dụng pháp luật hình sự của Cơ quan điều tra (CQĐT). Trong TTHS thẩm vấn, vị trí của hoạt động điều tra càng quan trọng; những sai lầm nghiêm trọng làm oan người vô tội, bỏ lọt tội phạm trong lịch sử tư pháp nước ta chủ yếu bắt nguồn từ giai đoạn điều tra [ 20, Tr. 198]. Do đó, Viện kiểm sát thực hành quyền công tố (THQCT) trong giai đoạn điều tra nhằm bảo đảm mọi hoạt động trong quá trình điều tra đúng pháp luật. Đồng thời việc quy định nhiệm vụ, quyền hạn của VKS khi thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra trong Bộ luật TTHS là hết sức cần thiết và mang một ý nghĩa rất lớn trong quá trình giải quyết VAHS, nhằm bảo đảm việc điều tra VAHS khách quan, toàn diện, đúng quy định của pháp luật.

#### *1.1.2.2. Thẩm quyền điều tra các tội xâm phạm sở hữu*

Với phạm vi nghiên cứu của luận văn là Thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra các vụ án xâm phạm sở hữu của Cơ quan cảnh sát điều tra Công

an huyện Lộc Ninh nên nội dung này, tác giả chỉ nêu về cơ sở pháp lý của việc tổ chức và phân định thẩm quyền điều tra cấp huyện.

Trên cơ sở quy định của Bộ luật TTHS năm 2003, Pháp lệnh tổ chức điều tra hình sự năm 2004, ngày 07/07/2014 Bộ Công an đã ban hành Thông tư số 28/2014/BCA về nhiệm vụ, quyền hạn của Cơ quan điều tra trong Công an nhân dân, các cơ quan khác của Công an nhân dân được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra. Theo quy định tại Điều 17 Thông tư này thì trong điều tra các VAHS, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an cấp huyện có thẩm quyền tiếp điều tra các vụ án từ từ Chương XII đến Chương XXII của Bộ luật hình sự năm 1999 khi các tội phạm đó thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án nhân dân cấp huyện (trừ các tội phạm thuộc thẩm quyền điều tra của Cơ quan điều tra của Viện KSND tối cao và Cơ quan An ninh điều tra trong Công an nhân dân).

#### *1.1.2.3. Nội dung điều tra các vụ án xâm phạm sở hữu*

Sau khi có quyết định khởi tố vụ án XPSH, CQĐT sẽ bắt tay vào tiến hành các biện pháp điều tra. Tùy tính chất từng vụ án và các tình huống xuất hiện khi khởi tố vụ án mà thứ tự các biện pháp điều tra được tiến hành. Nhưng nhìn chung tất cả các vụ án XPSH đều phải tiến hành các biện pháp điều tra sau để thu thập chứng cứ phục vụ quá trình chứng minh làm sáng tỏ vụ án.

##### *- Khám nghiệm hiện trường:*

Khám nghiệm hiện trường là biện pháp điều tra do Điều tra viên tiến hành tại nơi xảy ra tội phạm hoặc nơi phát hiện tội phạm nhằm phát hiện vật chứng, dấu vết của tội phạm và làm sáng tỏ những tình tiết có ý nghĩa đối với việc giải quyết VAHS. Khám nghiệm hiện trường có thể tiến hành trước khi khởi tố VAHS. Ngoài ra việc xác định, thu giữ dấu vết, vật chứng có liên quan đến vụ án XPSH thì công tác khám nghiệm hiện trường còn phải xác định, ghi nhận những dấu vết phản ánh việc lục soát, chiếm đoạt tài sản, đặc điểm, chủng loại tài sản bị chiếm đoạt ... Cá biệt trong những trường hợp kèm theo hành vi chiếm đoạt tài sản còn có thể có những hành vi khác như giết người, gây thương tích thì công tác khám nghiệm hiện trường còn phải phát hiện, thu giữ dấu vết, vật chứng phản ánh về những hành vi

phạm tội đó, kể cả việc khám nghiệm tử thi (nếu có). Hoạt động khám nghiệm hiện trường phải được thực hiện nghiêm chỉnh theo quy định tại Điều 150 BLTTHS.

*- Lấy lời khai người làm chứng, người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

Đây là biện pháp điều tra bằng cách triệu tập và hỏi những người này các tình tiết liên quan đến vụ án. Việc lấy lời khai của người làm chứng, người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án phải thực hiện nghiêm chỉnh theo quy định tại Điều 133 đến 137 và các quy định liên quan của BLTTHS. Lấy lời khai của những người tham gia tố tụng này trong vụ án XPSH phải đặc biệt chú ý làm rõ thời gian, địa điểm xảy ra tội phạm; số lượng, chủng loại, đặc điểm tài sản bị chiếm đoạt; nguồn gốc tài sản, những người biết được nơi cất giữ tài sản...

*- Khởi tố bị can và hỏi cung bị can:*

Khởi tố bị can là việc cơ quan có thẩm quyền quyết định khởi tố về hình sự một người khi có căn cứ xác định người đó thực hiện hành vi phạm tội [9, Tr .354]. Quyết định khởi tố bị can là cơ sở pháp lý cho các hoạt động điều tra và các biện pháp tố tụng khác để xử lý đối với người phạm tội theo đúng quy định của pháp luật. Việc khởi tố bị can phải thực hiện nghiêm chỉnh theo quy định tại Điều 126, Điều 127, Điều 128 BLTTHS.

Sau khi có quyết định khởi tố bị can, phải tiến hành hỏi cung bị can. Hỏi cung bị can là biện pháp điều tra bằng cách hỏi trực tiếp người đã bị khởi tố về hình sự với tư cách là bị can. Để tiến hành hỏi cung bị can cần tiến hành các thủ tục để triệu tập bị can theo quy định tại các Điều 129, 130 BLTTHS. Việc hỏi cung bị can phải tuân theo đúng quy định tại các Điều 131, 132 BLTTHS.

*- Đối chất:*

Đối chất là biện pháp điều tra bằng cách tiến hành hỏi hai người cùng một lúc về cùng một vấn đề có liên quan đến vụ án nhằm làm rõ mâu thuẫn trong các lời khai của họ. Việc đối chất có thể tiến hành giữa: Bị can với bị can, bị can với người tình nghi, người bị tạm giữ, người làm chứng, người bị hại; giữa người bị hại với

người làm chứng; giữa những người làm chứng với nhau... Hoạt động đối chất phải được tiến hành theo đúng quy định tại Điều 138 BLTTHS.

- *Nhận dạng:*

Nhận dạng là biện pháp điều tra được tiến hành bằng cách đưa người, vật, ảnh để người làm chứng, người bị hại, bị can quan sát nhận xét có đúng là đối tượng có liên quan đến vụ án XPSH mà họ đã biết trước đây hay không. Người nhận dạng có thể là người làm chứng, người bị hại, bị can... Đối tượng nhận dạng có thể là người sống (nhận dạng về hình dáng, tiếng nói), tử thi, đồ vật, súc vật, địa điểm, ảnh của các đối tượng này. Hoạt động nhận dạng phải được tiến hành theo đúng quy định tại Điều 139 BLTTHS.

- *Khám xét:*

Khám xét là hoạt động điều tra được tiến hành bằng cách tìm tòi, lục soát trên người, chỗ ở, chỗ làm việc, địa điểm, đồ vật, thư tín, điện tín, bưu phẩm nhằm phát hiện thu giữ vật chứng, đồ vật tài liệu có liên quan đến vụ án. Khám xét là hoạt động liên quan đến quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở, đến việc đảm bảo bí mật thư tín, điện thoại, điện tín... Việc khám xét chỉ được tiến hành khi có căn cứ luật định và phải có lệnh của người có thẩm quyền. Hoạt động khám xét phải được tiến hành theo đúng quy định tại các Điều 140, 141, 142, 143, Điều 145 và các quy định khác có liên quan của BLTTHS.

- Thu giữ thư tín, điện tín, bưu kiện, bưu phẩm tại bưu điện: Khi cần thiết phải thu giữ thư tín, điện tín, bưu kiện, bưu phẩm tại bưu điện thì CQĐT ra lệnh thu giữ. Lệnh này phải được VKS phê chuẩn trước khi thi hành, trừ trường hợp không thể trì hoãn nhưng phải ghi lý do vào biên bản và sau khi thu giữ phải thông báo ngay cho VKS cùng cấp biết. Việc thu giữ thư tín, điện tín, bưu kiện, bưu phẩm tại bưu điện phải tiến hành theo Điều 144 BLTTHS.

- *Xem xét dấu vết trên thân thể:*

Xem xét dấu vết trên thân thể là biện pháp điều tra bằng cách tiến hành xem xét trên thân thể người bị bắt, người bị tạm giữ, bị can, người bị hại, người làm chứng để phát hiện trên người họ có dấu vết của tội phạm hoặc có các dấu vết khác

có ý nghĩa đối với vụ án. Khi tiến hành xem dấu vết trên thân thể, phải thực hiện nghiêm chỉnh quy định tại Điều 152 và các quy định khác có liên quan của BLTTHS.

*- Thực nghiệm điều tra:*

Thực nghiệm điều tra là biện pháp điều tra bằng việc CQĐT tổ chức diễn lại hoặc làm thử một hành vi, sự việc, hiện tượng có liên quan đến việc điều tra làm rõ vụ án trong điều kiện tương tự như lời khai của bị can, người làm chứng, người bị tạm giữ, người bị hại hay giả thuyết điều tra của CQĐT để xem xét hành vi, sự việc, hiện tượng đó có xảy ra hay không và như thế nào. Khi tiến hành thực nghiệm điều tra phải thực hiện nghiêm chỉnh quy định tại Điều 153 và các quy định khác có liên quan của BLTTHS.

*- Trung cầu giám định:*

Trung cầu giám định là hoạt động của cơ quan tiến hành tố tụng được tiến hành theo trình tự, thủ tục do pháp luật quy định nhằm trung cầu các cơ quan, tổ chức hoặc các nhà chuyên môn sử dụng tri thức khoa học vào việc nghiên cứu, xem xét, đối chiếu để kết luận các vấn đề cần kết luận nhằm thu thập chứng cứ phục vụ cho việc giải quyết VAHS. Trong các vụ án XPSH, hoạt động trung cầu giám định thường là giám định tài sản bị chiếm đoạt. Hoạt động trung cầu giám định và giám định phải được tiến hành theo các quy định tại các Điều 155 đến Điều 159 BLTTHS.

*- Tạm đình chỉ điều tra và kết thúc điều tra.*

*+ Tạm đình chỉ điều tra:*

Tạm đình chỉ điều tra là việc CQĐT tạm ngừng việc tiến hành điều tra đối với cả vụ án hoặc đối với một bị can khi bị can bị tâm thần hoặc bị bệnh hiểm nghèo khác có chứng nhận của hội đồng giám định y khoa; Khi chưa xác định được bị can hoặc không rõ bị can đang ở đâu hoặc chưa có kết luận giám định khi hết thời hạn điều tra (Điều 160 BLTTHS).

*+ Kết thúc điều tra:*

Có hai hình thức kết thúc điều tra vụ án XPSH:

Đình chỉ điều tra: Hình thức này được tiến hành khi trong quá trình điều tra, CQĐT có căn cứ xác định không có sự việc phạm tội xảy ra, hành vi không cấu thành tội phạm, người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự hoặc đã chết, hay hết thời hạn điều tra nhưng không chứng minh được bị can phạm tội. Việc đình chỉ điều tra có thể là đình chỉ toàn bộ vụ án hoặc đình chỉ điều tra đối với từng bị can. Khi đình chỉ điều tra CQĐT làm bản kết luận điều tra, trong đó nêu rõ quá trình điều tra vụ án và căn cứ đình chỉ điều tra (Điều 164 BLTTHS).

Đề nghị truy tố: Theo quy định tại Điều 163 BLTTHS thì khi có đủ chứng cứ chứng minh tội phạm và những người phạm tội, CQĐT làm bản kết luận điều tra trong đó nêu rõ căn cứ khởi tố vụ án, các quyết định khởi tố bị can, trình bày diễn biến phạm tội của các bị can, các chứng cứ đã thu thập được chứng minh hành vi phạm tội của các bị can; Những ý kiến nhận xét và đề xuất vụ án; lý do và căn cứ đề nghị truy tố; Lý lịch của các bị can; Kết luận điều tra do Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng CQĐT ký, được chuyển cùng hồ sơ cho VKS và gửi cho các bị can. Hồ sơ VAHS được chuyển cho VKS đề nghị truy tố bị can trước pháp luật. Hồ sơ được đánh bút lục từ 01 cho đến hết. Khi chuyển hồ sơ sang VKS, CQĐT bàn giao cả vật chứng cho VKS và phải lập biên bản bàn giao.

## **1.2. Thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự về tội xâm phạm sở hữu.**

### *1.2.1. Về vị trí, vai trò của Viện kiểm sát*

VKS là cơ quan do Quốc hội thành lập, thừa hành quyền lực từ Quốc hội và được Quốc hội giao cho chức năng thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp. Trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự, VKS có vị trí đặc biệt quan trọng, vì hoạt động của VKS có tính quyết định từ khi tiến hành các hoạt động điều tra ban đầu đến khi kết thúc giai đoạn điều tra. VKS là cơ quan duy nhất thay mặt Nhà nước quyết định truy tố người phạm tội ra trước Tòa án. Trong TTTHS, VKS là cơ quan tiến hành tố tụng, Viện trưởng, Phó viện trưởng Viện kiểm sát và Kiểm sát viên là những người tiến hành tố tụng. VKS không phải là cơ quan trực tiếp tiến

hành các hoạt động điều tra thu thập chứng cứ (trừ một số hoạt động do BLTTHS quy định), nhưng là cơ quan chịu trách nhiệm về việc chứng cứ trong vụ án có được thu thập đầy đủ và đúng quy định của BLTTHS, bảo đảm giá trị chứng minh tội phạm và người phạm tội trước Tòa án hay không.

Là cơ quan có chức năng thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, VKS phải có trách nhiệm thực hiện các chức năng trong suốt quá trình tố tụng từ khi vụ án được phát hiện khởi tố điều tra đến hoàn thành việc xét xử, bản án có hiệu lực pháp luật. Hoạt động của VKS nhằm bảo đảm mọi hành vi phạm tội đều phải được xử lý kịp thời; việc khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không để lọt tội phạm và người phạm tội, không làm oan người vô tội.

Trong giai đoạn điều tra, VKS có vai trò quyết định cả quá trình điều tra, VKSND là cơ quan chịu trách nhiệm trước Nhà nước, xã hội và công dân về quá trình hoạt động và kết quả điều tra tội phạm [20, tr. 13]. Vai trò của VKS còn thể hiện rõ khi tiến hành các hoạt động điều tra, thì CQĐT có trách nhiệm thực hiện các yêu cầu và quyết định của Viện kiểm sát (được quy định tại Điều 114 của BLTTHS). Từ quy định này cho thấy VKS là cơ quan “chế ước”, chỉ đạo CQĐT trong quá trình điều tra vụ án hình sự. Viện KSND thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình với vai trò bảo đảm mọi hành vi phạm tội đều được phát hiện, điều tra, xử lý kịp thời, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật. Nếu trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử, VKS không thực hiện đúng và đầy đủ các chức năng, nhiệm vụ của mình dẫn đến Tòa tuyên không phạm tội, thì VKS là cơ quan chịu trách nhiệm về hậu quả pháp lý của cả quá trình TTHS này.

### *1.2.2. Chức năng, nhiệm vụ của Viện kiểm sát*

Khoản 1 Điều 107 Hiến pháp năm 2013 và Điều 1 Luật tổ chức VKSND năm 2014, quy định “*Viện kiểm sát nhân dân thực hành quyền công tố, kiểm sát các hoạt động tư pháp*” [14]. Đây là hai chức năng mà Hiến pháp quy định chỉ có Viện KSND mới có quyền thực hiện các chức năng này. Đó là chức năng nhân danh Nhà



nước truy cứu trách nhiệm hình sự và buộc tội đối người thực hiện hành vi phạm tội và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong các hoạt động tư pháp. Điều 23 BLTTHS, quy định: Thực hành quyền công tố và Kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng hình sự:

*“1. Viện kiểm sát thực hành quyền công tố trong tố tụng hình sự, quyết định việc truy tố người phạm tội ra trước Tòa án.*

*2. Viện kiểm sát kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng hình sự có trách nhiệm phát hiện kịp thời vi phạm pháp luật của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng, áp dụng những biện pháp do Bộ luật này quy định để loại trừ việc vi phạm pháp luật của những cơ quan hoặc cá nhân này.*

*3. Viện kiểm sát thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng hình sự nhằm đảm bảo mọi hành vi phạm tội đều phải được xử lý kịp thời; việc khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không để lọt tội phạm và người phạm tội, không làm oan người vô tội”*

Nghiên cứu các quy định này cho thấy, trong giai đoạn điều tra VKS có chức năng thực hành quyền công tố, kiểm sát điều tra trong suốt quá trình điều tra. Đồng thời, đây cũng là hai nhiệm vụ mà VKS phải thực hiện song song để đảm bảo cho hoạt động điều tra của CQĐT được tiến hành một cách khách quan, toàn diện và đầy đủ, làm rõ những chứng cứ xác định có tội và chứng cứ xác định vô tội, những tình tiết tăng nặng và những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho người phạm tội. Thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra là hai chức năng, nhiệm vụ khác nhau của VKS, nhưng chúng có quan hệ biện chứng trong một thể thống nhất, có tác động hỗ trợ qua lại lẫn nhau và thúc đẩy lẫn nhau. Nếu thực hiện chức năng thực hành quyền công tố hiệu quả sẽ giúp cho hoạt động kiểm sát điều tra thuận lợi và ngược lại. Tóm lại, nếu thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ trên thì vai trò và vị thế của Viện KSND sẽ được nâng cao, đáp ứng yêu cầu của chiến lược cải cách tư pháp mà Đảng, Nhà nước đã đề ra.

### **1.3. Khái niệm, đối tượng, phạm vi, nội dung và đặc điểm chức năng thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra vụ án xâm phạm sở hữu**

#### *1.3.1. Khái niệm, đối tượng và phạm vi của chức năng thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự*

Hiện nay, tồn tại nhiều quan niệm khác nhau về khái niệm thực hành quyền công tố, cũng như khái niệm thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự.

Theo PGS.TS. Trần Văn Độ: Thực hành quyền công tố là thực hiện các hành vi tố tụng cần thiết theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự để truy cứu trách nhiệm hình sự người phạm tội, đưa người phạm tội ra xét xử trước Tòa án và bảo vệ sự buộc tội đó.

Trong quá trình tố tụng hình sự, hoạt động thực hành quyền công tố bao gồm:

Khởi tố bị can: Để có quyết định khởi tố bị can Cơ quan Công tố phải khởi tố vụ án và điều tra, xác minh. Không nên coi giai đoạn này chỉ là “giai đoạn chuẩn bị thực hành quyền công tố” như một số tác giả quan niệm.

- Truy tố bị can ra trước tòa trên cơ sở kết quả điều tra vụ án và chứng minh được người phạm tội.

- Buộc tội bị cáo và bảo vệ sự buộc tội trước phiên tòa bằng cách công bố bản cáo trạng, tham gia xét hỏi, trình bày lời luận tội và tranh luận trước phiên tòa sơ thẩm; nếu vụ án bị kháng cáo hoặc kháng nghị thì có mặt tham gia xét hỏi và trình bày lời kết luận về kháng cáo, kháng nghị trước phiên tòa phúc thẩm. [ 7, tr .32]

Theo quan điểm chung hiện nay trong ngành kiểm sát thì khái niệm thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra được hiểu như sau: *Thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra là hoạt động nhân danh Nhà nước thực hiện việc buộc tội, bảo đảm việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội có căn cứ và hợp pháp, bảo đảm mọi hành vi phạm tội được phát hiện đều phải được khởi*

*tố, điều tra, xử lý theo pháp luật, không để lọt người, lọt tội, không làm oan người vô tội.*

*Về đối tượng:* Thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra là hoạt động sử dụng tổng hợp các nhiệm vụ và quyền hạn nhằm truy cứu TNHS người phạm tội. Từ đó, ta thấy rằng đối tượng của chức năng thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra là tội phạm và người phạm tội.

Trong giai đoạn điều tra, hoạt động thực hành quyền công tố là nhằm làm rõ sáng tỏ những vấn đề cần chứng minh trong vụ án hình sự, được quy định tại Điều 63 BLTTHS đó là: Có hành vi phạm tội xảy ra hay không, thời gian, địa điểm và những tình tiết khác của hành vi phạm tội; Ai là người thực hiện hành vi phạm tội, có lỗi hay không có lỗi, do cố ý hay vô ý, có năng lực trách nhiệm hình sự hay không, mục đích, động cơ phạm tội; những tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và những đặc điểm về nhân thân; tính chất và mức độ thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra. Trong đó, làm rõ hai vấn đề đầu tiên là nhằm mục đích xác định có tội phạm hay không có tội phạm, ai là người thực hiện hành vi phạm tội đây là đối tượng của hoạt động thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra.

*Phạm vi:* Thực hành quyền công tố luôn gắn liền với việc tiến hành các hoạt động điều tra, được bắt đầu từ khi Cơ quan điều tra khởi tố vụ án và trong suốt quá trình điều tra đến khi kết thúc việc buộc tội. Do đó, thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra bắt đầu từ khi tội phạm xảy ra và kết thúc khi việc điều tra kết thúc hoặc đình chỉ vụ án. Khi nào ở đâu, Cơ quan điều tra tiến hành nghiệp vụ điều tra như: Khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi, khám xét, lấy lời khai người làm chứng, hỏi cung bị can...., thì khi đó Viện kiểm sát có trách nhiệm thực hành quyền công tố. Trong trường hợp không có tội phạm thì quyền công tố bị triệt tiêu, theo đó cũng chấm dứt mọi hoạt động tố tụng, trong đó có thực hành quyền công tố (Điều 107 BLTTHS, Điều 7 BLTTHS). [ 12, tr. 13].

*1.3.2. Nội dung thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra các vụ án xâm phạm sở hữu*

Thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp là hai chức năng hiến định của Viện KSND. Giai đoạn điều tra các VAHS, hai chức năng này chỉ được thực hiện từ khi khởi tố đến khi kết thúc điều tra thông qua những nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể quy định tại Điều 14, 15 Luật tổ chức Viện KSND năm 2014 và Điều 23, 112, 113 BLTTHS. Do đó, THQCT và KSĐT các tội XPSH được thể hiện qua các nội dung sau:

#### *1.3.2.1. Thực hành quyền công tố trong khám nghiệm hiện trường*

Khám nghiệm hiện trường đóng vai trò rất quan trọng trong điều tra, xử lý tội phạm. Trong nhiều vụ án, kết quả khám nghiệm hiện trường có tính chất quyết định đối với việc điều tra. Chính vì vậy, VKS phải có mặt trong khám nghiệm hiện trường nhằm đảm bảo cho hoạt động khám nghiệm hiện trường đúng quy định của BLTTHS, thu thập đầy đủ, đúng pháp luật các chứng cứ.

Khi khám nghiệm hiện trường, Kiểm sát viên cần lưu ý một số vấn đề sau: Việc có mặt của Kiểm sát viên tại buổi khám nghiệm hiện trường là bắt buộc; Kiểm sát viên cần đảm bảo các yêu cầu pháp lý của buổi khám nghiệm như cần có người chứng kiến, các nhà chuyên môn liên quan đến lĩnh vực khám nghiệm...; yêu cầu lực lượng khám nghiệm hiện trường thực hiện nghiêm túc, tỉ mỉ, phát hiện, thu giữ, đánh giá đầy đủ, chính xác dấu vết, vật chứng phản ánh việc lục soát, chiếm đoạt tài sản, đặc điểm, chủng loại tài sản bị chiếm đoạt; Kiểm sát viên có thể chụp ảnh, vẽ sơ đồ hiện trường, xem xét tại chỗ dấu vết, đồ vật, tài liệu liên quan đến vụ việc; lấy lời khai và ghi âm lời khai của người bị hại, người biết về sự việc khác tại hiện trường; Kiểm sát viên phải bảo đảm những nội dung của buổi khám nghiệm phải được thể hiện đầy đủ trong biên bản khám nghiệm hiện trường, như khi ghi biên bản và mô tả dấu vết Kiểm sát viên phải yêu cầu Điều tra viên ghi biên bản khám nghiệm hiện trường phải thể hiện rõ các nội dung :

Đối với dấu vết, khi thu thập phải ghi rõ trong biên bản các nội dung: Dấu vết thu thập là dấu vết gì, vị trí của dấu vết, đặc điểm về màu sắc, chiều hướng, độ cũ, mới của dấu vết. Phải trả lời được những câu hỏi như dấu vết gì? Đặc điểm ra sao? Chiều hướng thế nào? Vị trí ở đâu?

Về tên của dấu vết cần ghi rõ đó là dấu vết gì: Vân tay, vết máu, vết cày, vết cạy phá, dấu chân, dấu tay,... Trường hợp khó đặt tên ngắn gọn thì mô tả cụ thể nhưng phải phản ánh được nội dung chủ yếu, cơ bản.

Về đặc điểm của dấu vết. Cần mô tả các nội dung hình dáng, kích thước, màu sắc và các đặc điểm khác của dấu vết. Ví dụ trong vụ án trộm cắp tài sản, khi khám nghiệm, biên bản phải mô tả đầy đủ các dấu vết ở hiện trường, chiều hướng của từng dấu vết, từ trái qua phải hay từ phải qua trái; kích thước của dấu vết, độ dài của dấu vết và vị trí từng dấu vết; để sau này phục vụ tốt cho công tác giám định làm rõ nguyên nhân của vụ án,...

Về vị trí của dấu vết, khi mô tả phải xác định các điểm chuẩn xung quanh và trên cơ sở đó mô tả khoảng cách của dấu vết so với các điểm chuẩn theo các hướng và so với các dấu vết khác để từ đó có thể xác định mối liên hệ giữa các dấu vết.

Đối với vật chứng khi thu thập phải ghi cụ thể trong biên bản các nội dung sau:

Vật gì, tên của vật được gọi là gì. Ví dụ con dao, khẩu súng, hay công cụ phương tiện khác, nếu là mô tô xe máy, thì phải ghi rõ biển số, số khung, số máy,... Trường hợp vật chứng không phải là vật thông dụng, khó đặt tên, thì có thể đặt tên dạng mô tả hình dạng, kích thước, màu sắc,...

Đặc điểm của vật, tùy từng loại vật mà có cách mô tả cụ thể, nhưng nhìn chung phải thể hiện được các nội dung: Số lượng, chất lượng, trọng lượng, khối lượng, hình dạng kích thước, màu sắc, mùi vị, tính nguyên vẹn và trạng thái mới, cũ của vật. (ví dụ thu giữ năm con dao tại hiện trường, kích thước về độ dài, độ rộng, phần cán, phần lưỡi của từng con dao, dấu vết để lại trên từng con dao).

Những dấu vết của tội phạm để lại trên vật chứng.

Trường hợp trên vật chứng có dấu vết thì phải mô tả dấu vết theo nội dung cũng cố dấu vết đã nêu trên. Phải mô tả từng dấu vết, kích thước của dấu vết, màu sắc của dấu vết, chiều hướng của dấu vết,.....

Nơi tìm thấy vật: Nơi tìm thấy vật và cách thức giấu vật liên quan chặt chẽ tới giá trị chứng minh của chứng cứ, giá trị pháp lý của chứng cứ, làm nảy sinh căn cứ pháp lý để tiến hành các hoạt động tố tụng khác.

Đối với sự việc, khi cần ghi lại trong biên bản một sự việc cụ thể nào đó, cần phải ghi đầy đủ các nội dung sau:

Tên sự việc là gì, vụ cướp tài sản hoặc các vụ trộm cắp tài sản. Việc đặt tên cần phải ngắn gọn, khái quát và phản ánh được nội dung chủ yếu, cơ bản của việc đó.

Thời gian xảy ra: Thời gian xảy ra ở đây là thời điểm bắt đầu xảy ra sự việc. Việc ghi nhận thời gian càng chính xác càng tốt. Nếu không biết chính xác, thì cách ghi không được viết theo kiểu khẳng định.

Địa điểm xảy ra sự việc: Việc ghi địa điểm xảy ra vụ việc phải cụ thể, vì nếu không ghi sẽ không xác định được thẩm quyền giải quyết vụ việc theo lãnh thổ, bên cạnh đó việc ghi rõ địa điểm sẽ giúp cho quá trình nghiên cứu để hình dung quá trình diễn biến của sự việc.

Diễn biến của sự việc: Cần phải mô tả đầy đủ và khái quát quá trình diễn biến của sự việc. Đây là vấn đề rất quan trọng nhưng không dễ thực hiện, đòi hỏi người thu thập chứng cứ phải có đầu óc phân tích, tổng hợp đến ghi diễn biến vụ việc theo thời gian, hay diễn biến vụ việc theo sự kiện, hoặc diễn biến vụ việc theo chủ thể thực hiện,...

Hậu quả thiệt hại: Nếu đã xảy ra hậu quả phải ghi rõ thiệt hại về cái gì số lượng, chủng loại, tính chất, mức độ thiệt hại. Hậu quả ở đây không hoàn toàn cùng nghĩa với hậu quả trong cấu thành tội phạm, thông thường đây là những thiệt hại đã xảy ra có thể nhận biết bằng giác quan.

Nguyên nhân xảy ra sự việc: Trong thu thập chứng cứ chỉ ghi nguyên nhân trực tiếp, cụ thể đã được xác định chắc chắn, không được nêu ra những nguyên nhân gián tiếp hoặc trừu tượng. Trong trường hợp chưa xác định được thì phải ghi chưa kết luận được nguyên nhân hoặc chưa rõ nguyên nhân.

#### *1.3.2.2. Thực hành quyền công tố trong khởi tố và hỏi cung bị can*

Về nguyên tắc, CQĐT chỉ được ra quyết định khởi tố bị can sau khi đã ra quyết định khởi tố vụ án, trừ trường hợp phạm tội bị bắt quả tang thì có thể ra quyết định khởi tố bị can ngay sau khi khởi tố vụ án. Theo quy định tại khoản 3 Điều 179 BLTTHS thì trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi ra quyết định khởi tố bị can, CQĐT phải gửi các quyết định này kèm theo các tài liệu có liên quan cho VKS cùng cấp để xét phê chuẩn. Theo quy định tại khoản 1 Điều 13 Quy chế 07 thì trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định khởi tố bị can của CQĐT, VKS phải tiến hành kiểm tra tính có căn cứ và hợp pháp của quyết định khởi tố bị can cùng các văn bản, tài liệu, chứng cứ kèm theo như: Công văn đề nghị xét phê chuẩn quyết định khởi tố bị can; đơn tố giác, tin báo về tội phạm và các tài liệu ban đầu do cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp; tài liệu do CQĐT kiểm tra, xác minh; biên bản; kết luận giám định; biên bản, kết quả giám định tài sản; biên bản ghi lời khai của người làm chứng, người bị hại; biên bản bắt, khám xét khẩn cấp; biên bản phạm tội quả tang; biên bản ghi lời khai của người bị tình nghi thực hiện tội phạm, người bị bắt, người bị tạm giữ...

Kiểm tra tính có căn cứ của quyết định khởi tố bị can về tội XPSH nhằm đảm bảo việc truy cứu trách nhiệm hình sự đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không bỏ lọt người phạm tội, không làm oan người vô tội. Vì vậy khi kiểm tra, xem xét các tài liệu chứng cứ như đã nêu ở trên, VKS cần phải làm rõ tính khách quan, toàn diện và đầy đủ của các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đề nghị xét phê chuẩn xem có đủ căn cứ chứng minh người bị khởi tố chính là người đã thực hiện. Hành vi phạm tội diễn ra như thế nào? Có đồng phạm hay không? Vai trò của từng đồng phạm? Các yếu tố về năng lực trách nhiệm hình sự và các tình tiết khác loại trừ khả năng phải chịu trách nhiệm hình sự.

Kiểm tra tính hợp pháp trong việc ra quyết định khởi tố bị can về tội XPSH nhằm đảm bảo cho việc ra quyết định đó là đúng pháp luật. VKS phải xem xét thẩm quyền của cơ quan và người ra quyết định khởi tố bị can; trình tự, thủ tục ra quyết định; hình thức, nội dung của quyết định có đúng quy định của pháp luật hay không; phải xem xét nội dung quyết định khởi tố bị can có thể hiện đầy đủ các thông tin sau

đây hay không: Họ tên, ngày, tháng, năm sinh, nghề nghiệp, hoàn cảnh gia đình của bị can; Bị can khởi tố về tội gì, thuộc điều, khoản nào của BLHS; thời gian, địa điểm phạm tội; đồng thời xem xét các vấn đề khác như ảnh, danh chỉ bản của bị can và các thông tin khác có liên quan; thẩm quyền của người tiến hành các hoạt động điều tra; trình tự, thủ tục tiến hành các hoạt động điều tra như bắt, khám xét, lấy lời khai, hỏi cung... thể hiện thông qua các tài liệu có trong hồ sơ đề nghị phê chuẩn. Nếu bị can bị khởi tố về tội XPSH và nhiều tội khác thì trong quyết định khởi tố phải ghi rõ từng tội danh và điều khoản áp dụng của BLHS.

Sau khi kiểm tra tính có căn cứ và tính hợp pháp của quyết định khởi tố bị can, VKS căn cứ nhiệm vụ, quyền hạn của VKS được quy định tại các Điều 112, 113 BLTTHS để xử lý như sau:

- Nếu thấy quyết định khởi tố bị can có căn cứ và hợp pháp thì VKS phê chuẩn quyết định khởi tố bị can và gửi quyết định đó cho cơ quan đã khởi tố. Nếu thấy chưa đủ căn cứ xác định bị can phạm tội thì VKS yêu cầu cơ quan đã khởi tố bổ sung tài liệu, chứng cứ khởi tố. Trong trường hợp quyết định khởi tố bị can không có căn cứ, thì VKS ra quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố bị can và gửi ngay cho CQĐT.

- Nếu thấy ngoài bị can đã bị khởi tố còn có người khác cùng thực hiện hành vi phạm tội trong vụ án mà chưa khởi tố thì VKS phải yêu cầu cơ quan có thẩm quyền ra quyết định khởi tố bị can đối với người đó.

- Nếu thấy hành vi phạm tội của bị can không phạm vào các tội XPSH mà phạm vào tội khác hoặc còn có hành vi phạm tội khác thì VKS yêu cầu CQĐT ra quyết định thay đổi hoặc bổ sung quyết định khởi tố bị can hoặc trực tiếp ra quyết định thay đổi hoặc bổ sung quyết định khởi tố bị can và gửi cho CQĐT để tiến hành điều tra trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi ra quyết định thay đổi hoặc bổ sung quyết định khởi tố bị can theo quy định tại khoản 2 Điều 127 BLTTHS.

- Trong trường hợp người bị khởi tố bị can đang bị tạm giữ, nếu hết thời hạn tạm giữ vẫn không đủ căn cứ phê chuẩn quyết định khởi tố bị can đối với người



đang bị tạm giữ thì VKS ra quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố bị can và yêu cầu cơ quan đã khởi tố bị can trả tự do ngay cho người bị tạm giữ.

Thực tiễn đấu tranh phòng chống tội phạm XPSH cho thấy, việc xác định rõ tội phạm và người phạm tội ngay từ giai đoạn khởi tố là một vấn đề hết sức khó khăn, phức tạp. Chính vì vậy, để đảm bảo THQCT và KSĐT trong việc khởi tố vụ án, khởi tố bị can có hiệu quả, chính xác, đúng pháp luật, VKS phải thường xuyên bám sát, theo dõi ngay từ khi giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố; kết hợp giữa kiểm sát chặt chẽ việc thu thập chứng cứ ở giai đoạn trước khi ra quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can với việc kiểm tra, xem xét, nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đề nghị xét phê chuẩn. Trong trường hợp thực tế, VKS có thể phối hợp cùng CQĐT hoặc tự mình lấy lời khai người bị khởi tố, người làm chứng, người bị hại để làm rõ căn cứ khởi tố bị can trước khi ra quyết định phê chuẩn hay hủy bỏ quyết định khởi tố bị can. Biên bản ghi lời khai những người này do Kiểm sát viên lập được chuyển cho cơ quan đã khởi tố để đưa vào hồ sơ vụ án.

#### *1.3.2.3. Thực hành quyền công tố trong hoạt động hỏi cung bị can*

Cơ sở pháp lý để VKS thực hiện kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong việc hỏi cung bị can là BLTTHS năm 2003, Điều 15 Luật tổ chức Viện KSND năm 2014 và Điều 16 Quy chế công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong việc điều tra các vụ án hình sự của Viện KSND tối cao năm 2008 (sau đây gọi tắt là Quy chế công tác kiểm sát). Để kiểm sát việc hỏi cung bị can, Kiểm sát viên có thể trực tiếp tham gia các buổi hỏi cung của Điều tra viên hoặc nghiên cứu biên bản hỏi cung. Qua nghiên cứu các biên bản hỏi cung bị can, nếu thấy chưa làm rõ được chứng cứ buộc tội, chứng cứ xác minh không có tội và các tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị can hoặc CQĐT chưa phân hóa làm rõ được vai trò của từng bị can khi có nhiều đối tượng cùng tham gia thực hiện hành vi phạm tội thì VKS yêu cầu CQĐT hỏi bổ sung bị can để làm rõ các vấn đề nói trên.

Nếu phát hiện có dấu hiệu mớm cung, bức cung, dùng nhục hình...thì Kiểm sát viên sẽ thực hiện việc phúc cung bị can nhằm kiểm tra lại toàn bộ các lời khai của bị can có phù hợp với các chứng cứ khác của vụ án đã được thu thập hay không. Nếu các lời khai của bị can không thống nhất hoặc giữa lời khai của các bị can có nhiều mâu thuẫn thì phải yêu cầu CQĐT cho đối chất hoặc tiến hành thực nghiệm điều tra.

Đối với bị can là người chưa thành niên, là người nước ngoài, là người dân tộc thiểu số, là người không biết chữ... Đây là những trường hợp đặc biệt và trong thực tế thường hay có những sai sót trong quá trình hỏi cung, ảnh hưởng tới quyền và lợi ích của họ. Do vậy, VKS phải kiểm sát hết sức chặt chẽ, đảm bảo cho quá trình hỏi cung đúng quy định của pháp luật như bị can là người chưa thành niên thì phải có người giám hộ tham gia buổi hỏi cung, bị can là người nước ngoài thì phải có người phiên dịch tham gia...

#### *1.3.2.4. Thực hành quyền công tố trong hoạt động khám xét, thu giữ, tạm giữ đồ vật tài liệu và kê biên tài sản*

Theo quy định của BLTTHS 2003 thì hoạt động khám xét bao gồm: khám người, khám chỗ ở, chỗ làm việc, địa điểm, đồ vật, thư tín, điện tín, bưu kiện, bưu phẩm. Những hoạt động này có ảnh hưởng trực tiếp đến quyền tự do về thân thể, quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở, an toàn và bí mật thư tín, điện thoại điện tín của công dân. Do vậy, hoạt động khám xét chỉ được tiến hành khi có căn cứ để nhận định rằng, ở đó có công cụ, phương tiện phạm tội, đồ vật, tài sản do phạm tội mà có hoặc đồ vật, tài sản có liên quan đến vụ án. Việc khám chỗ ở, chỗ làm việc, địa điểm để phát hiện người đang bị truy nã ẩn nấp cũng chỉ được tiến hành, khi có căn cứ xác định người đang bị truy nã trốn ở đó. Hoạt động kiểm sát việc khám xét được thực hiện theo các quy định tại Điều 140, 141, 142, 143, 144, 145, 148 BLTTHS năm 2003; Điều 15 Luật tổ chức Viện KSND năm 2014 và Điều 14 Quy chế công tác kiểm sát.

Đối với các hoạt động điều tra khác như lấy lời khai người làm chứng, người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, đối chất, nhận dạng, xem xét dấu vết trên

thân thể, thực nghiệm điều tra, trung cầu giám định thì Luật TTHS cũng cho phép VKS được tiến hành những hoạt động này nhưng mang tính chất thực hành quyền công tố hơn là kiểm sát điều tra. Vì vậy, việc kiểm sát các hoạt động này được thực hiện chủ yếu thông qua nghiên cứu hồ sơ, xem xét kết quả của các hoạt động đó của CQĐT.

#### *1.3.2.5. Thực hành quyền công tố trong tạm đình chỉ điều tra, đình chỉ điều tra*

- Trong tạm đình chỉ điều tra, truy nã bị can

Trong quá trình điều tra VAHS khi xác định có căn cứ được quy định tại Điều 160 BLTTHS, CQĐT ra quyết định tạm đình chỉ điều tra. Quyết định tạm đình chỉ điều tra phải được gửi cho VKS cùng cấp. VKS có trách nhiệm kiểm tra, xem xét nhằm đảm bảo tính có căn cứ, tính hợp pháp trong việc quyết định tạm đình chỉ điều tra.

- Trong đình chỉ điều tra

Việc ra quyết định đình chỉ điều tra là chấm dứt hoạt động tố tụng hình sự đối với vụ án hoặc đối với bị can, điều đó cũng có nghĩa là vụ án được kết thúc điều tra. VKS phải kiểm sát chặt chẽ việc CQĐT gửi quyết định đình chỉ điều tra, bản kết luận điều tra cùng hồ sơ vụ án cho VKS để xem xét. Viện kiểm sát phải xem xét, nghiên cứu thủ tục ban hành bản kết luận điều tra và quyết định đình chỉ điều tra như ngày, tháng, năm, họ tên, chức vụ và chữ ký của người ra kết luận. Đồng thời, phải kiểm sát các căn cứ của quyết định đình chỉ điều tra theo quy định tại Điều 164 BLTTHS.

Như vậy, trong giai đoạn điều tra các VAHS nói chung và điều tra các vụ án XPSH nói riêng, THQCT là những biện pháp do VKS trực tiếp quyết định (như quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can; quyết định áp dụng, thay đổi, huỷ bỏ biện pháp ngăn chặn...), còn kiểm sát điều tra là những biện pháp VKS không trực tiếp ra quyết định, mà qua công tác kiểm sát nếu phát hiện vi phạm pháp luật của CQĐT thì kiến nghị, kháng nghị, yêu cầu CQĐT khắc phục. Đây là hai chức năng độc lập nhưng có mối quan hệ chặt chẽ, biện chứng với nhau, không tách rời nhau. Kiểm sát

việc tuân theo pháp luật trong giai đoạn điều tra là cơ sở, tiền đề để điều tra có hiệu quả; THQCT là kết quả phản ánh chất lượng của quá trình kiểm sát điều tra và cùng có chung một nhiệm vụ là điều tra hành vi phạm tội và tội phạm một cách đúng đắn, khách quan, nhằm thực hiện mục đích chung của TTHS.

### ***1.3.3. Đặc điểm thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra các vụ án xâm phạm sở hữu***

*Thứ nhất*, các vụ án XPSH thường bị phát hiện chậm nên gây nhiều khó khăn cho việc xác định chính xác thời gian, địa điểm xảy ra tội phạm. Trên thực tế, phần lớn các VAHS thuộc nhóm tội này đều do người bị hại đến cơ quan Công an trình báo khiến công tác bảo vệ hiện trường có thể triển khai không kịp thời nên khi tiến hành các biện pháp điều tra, hiện trường đã bị xáo trộn, các dấu vết bị thất lạc, dẫn đến việc xác định thời gian, địa điểm chính xác xảy ra tội phạm gặp nhiều khó khăn. Do đó, khi THQCT trong giai đoạn điều tra, Kiểm sát viên phải phối hợp cùng Điều tra viên làm rõ thời gian, địa điểm xảy ra tội phạm ngay từ giai đoạn đầu là kiểm tra xác minh tin báo, tố giác tội phạm (thông qua một số biện pháp điều tra ban đầu như lấy lời khai người bị hại, nhân chứng, khám nghiệm hiện trường...), từ đó có định hướng để tiến hành các hoạt động tiếp theo.

*Thứ hai*, các vụ án XPSH thường liên quan đến việc định giá tài sản, xác định quyền sở hữu tài sản và xác định tài sản bị chiếm đoạt. Việc xác định đúng giá trị tài sản bị chiếm đoạt có ý nghĩa quan trọng trong việc xác định tội phạm cũng như khung xử lý phù hợp với quy định của BLHS. Bị can chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự với những tài sản thực tế bị can chiếm đoạt. Số tiền, tài sản dùng để xác định trách nhiệm hình sự của người phạm tội phải là số tiền họ đã, đang chiếm của Nhà nước, của người khác. Đối với những khoản tiền như tiền lãi trong các hợp đồng tín dụng, những khoản tiền người có trách nhiệm trong tổ chức kinh tế làm thất thoát, thua lỗ... thì không xác định là tài sản bị chiếm đoạt. Tuy nhiên, nếu người phạm tội có lỗi, vi phạm các hợp đồng, thỏa thuận, vi phạm các hợp đồng về quản lý kinh tế thì họ vẫn phải chịu trách nhiệm bồi thường số tài sản này. Kiểm sát viên cần nắm vững tính quan trọng của việc định giá tài sản chiếm đoạt để yêu cầu

CQĐT định giá đúng tài sản chiếm đoạt. Nếu thấy việc định giá tài sản chiếm đoạt không khách quan, không phù hợp với các chứng cứ thu thập được thì phải báo cáo lãnh đạo yêu cầu định giá lại hoặc yêu cầu Hội đồng định giá giải thích về kết quả định giá.

Ngoài việc xác định giá trị tài sản, trong điều tra các VAHS về các tội XPSH còn phải làm rõ chủ sở hữu, người quản lý các tài sản bị chiếm đoạt tức là xác định người bị hại trong vụ án. Như đã phân tích về đặc điểm các tội XPSH, tài sản là đối tượng của các tội phạm XPSH phải có chủ sở hữu cụ thể. Vì vậy xác định người bị hại (tổ chức hoặc cá nhân) trong vụ án là một yêu cầu trong điều tra các vụ án XPSH. Việc làm rõ người bị hại trong các vụ án này không chỉ giúp làm sáng tỏ sự thật của vụ án mà còn giúp truy tìm tài sản trả lại cho người bị chiếm đoạt, giải quyết bồi thường vật chất...

*Thứ ba*, các tội XPSH thường có sự chuyển hóa gây khó khăn cho việc định tội danh. Như đã phân tích ở trên, mặt khách quan của các tội XPSH biểu hiện rất phong phú. Dấu hiệu chiếm đoạt thể hiện ở cả hành vi, mục đích chiếm đoạt và thực tế chiếm đoạt được. Đây cũng là cơ sở để phân biệt các tội với nhau. Trên thực tế, hay xảy ra sự chuyển hóa, ly lai giữa các tội cướp giật tài sản và tội công nhiên chiếm đoạt tài sản, giữa cướp tài sản và cướp giật tài sản, giữa tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản và lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản... hay việc hình sự hóa các quan hệ dân sự. Do đó, VKS mà trực tiếp là Kiểm sát viên làm nhiệm vụ phải kiểm sát chặt chẽ hồ sơ, xem xét và đánh giá các chứng cứ thu thập được của CQĐT có đầy đủ, khách quan, hợp pháp để định tội và định khung hình phạt chính xác hay không. Ví dụ đối với tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản và lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản. Hai tội này đều có đặc điểm chung là người phạm tội phải thông qua hợp đồng vay, mượn, cho thuê... để có được tài sản của người khác. Vì vậy yếu tố đầu tiên cần phải xác định là có hay không việc giao nhận tài sản thông qua hình thức hợp đồng (bằng văn bản hoặc miệng) giữa người phạm tội với chủ sở hữu hoặc người quản lý tài sản. Cần phải thu thập được các tài liệu như hợp đồng, chứng từ, sổ sách thể hiện quá trình vay, giấy nhận nợ, giấy hẹn... hoặc những giấy tờ khác

chứng minh việc vay mượn là có thật (tài sản thế chấp, lời khai của các nhân chứng, sự đảm bảo của bên thứ ba...). Bên cạnh đó, khi lấy lời khai của bị can cần làm rõ ý thức chủ quan của họ, có ý thức chiếm đoạt hay không, ý thức chiếm đoạt có từ thời điểm nào để làm căn cứ xác định tội danh cụ thể. Trong quá trình THQCT trong giai đoạn điều tra, Kiểm sát viên phải yêu cầu CQĐT làm rõ những vấn đề này hoặc trực tiếp tiến hành một số hoạt động điều tra như lấy lời khai bị can, người bị hại, nhân chứng để chứng minh hành vi phạm tội của họ.

*Thứ tư*, các vụ án XPSH thường liên quan đến một số tội phạm khác. Ví dụ đối với các vụ án cướp tài sản, người phạm tội thường có hành vi dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc hoặc có hành vi khác làm cho người bị tấn công lâm vào tình trạng không thể chống cự được. Các hành vi này xâm phạm đến quyền nhân thân của người bị hại và trong nhiều trường hợp, các hành vi này đã cấu thành một tội độc lập khác như tội giết người hoặc cố ý gây thương tích. Bên cạnh đó, các vụ án XPSH cũng thường liên quan đến các tội phạm về ma túy.

Như vậy, ma túy và xâm phạm sở hữu có mối quan hệ tương đối chặt chẽ với nhau. Tệ nạn ma túy phát triển mạnh sẽ là một nguyên nhân quan trọng làm cho các tội phạm về XPSH tăng cao. Do đó, khi THQCT trong giai đoạn điều tra đối với các tội XPSH, các Kiểm sát viên cần chú ý đến vấn đề nhân thân người phạm tội, đánh giá khách quan, chính xác hành vi phạm tội để tránh bỏ lọt tội phạm cũng như truy cứu đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

## Chương 2

# THỰC TIỄN THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỐ TRONG GIAI ĐIỀU TRA ĐỐI VỚI CÁC TỘI XÂM PHẠM SỞ HỮU TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN LỘC NINH

### 2.1. Tình hình tội phạm xâm phạm sở hữu trên địa bàn huyện Lộc Ninh từ năm 2011 đến năm 2015

#### 2.1.1. Vài nét về tình hình, đặc điểm huyện Lộc Ninh

Huyện Lộc Ninh là huyện miền núi biên giới phía Tây - Bắc của tỉnh Bình Phước, có đường biên giới dài hơn 100km tiếp giáp với huyện Sanuol tỉnh Kratie và Mimot, tỉnh Congpongcham của nước bạn Campuchia. Có 01 cửa khẩu Quốc tế Hoa Lư; 01 cửa khẩu Quốc gia Tà Vát. Về hành chính được chia thành 15 xã và 01 thị trấn, địa bàn rộng, có đường QL13 chạy qua cửa khẩu Quốc tế Hoa Lư là điều kiện thuận lợi phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn huyện (là khu vực trọng điểm phát triển kinh tế phía Tây - Bắc của tỉnh), song đây cũng là điều kiện thuận lợi để phát sinh nhiều loại tội phạm. Mặt khác trong những năm gần đây tình hình kinh tế trên địa bàn huyện Lộc Ninh phát triển nhanh chóng, dân cư tập trung nhiều thành phần, việc đăng ký tạm trú, tạm vắng chưa chặt chẽ nên khó quản lý, dẫn đến công tác quản lý địa bàn, quản lý nhân khẩu và đối tượng phạm tội gặp nhiều khó khăn. Các đối tượng có liên quan đến phạm tội thường từ những nơi khác đến, không có nơi ở (cư trú) nhất định, lẩn tránh lúc ẩn, lúc hiện, rất xảo quyệt..., tìm mọi cách để lẩn tránh sự triệu tập của Cơ quan tiến hành tố tụng. Mặt khác, gia đình các đối tượng phạm tội thường không hợp tác với chính quyền trong việc khai báo, dẫn đến khó khăn trong quá trình quản lý các đối tượng phạm tội sau khi chấp hành xong hình phạt tù về địa phương sinh sống. Bên cạnh đó, do dân cư đông, địa bàn rộng, đường xá đi lại khó khăn, trình độ dân trí còn thấp, am hiểu về pháp luật còn hạn chế.

Nhưng trong những năm gần đây chính sách của Nhà nước về kinh doanh và đầu tư tại huyện Lộc Ninh được cải thiện đáng kể theo hướng thông thoáng và tạo điều kiện tốt nhất cho tất cả các thành phần kinh tế cùng phát triển. Việc đăng ký

kinh doanh nhanh gọn, thuận lợi dẫn tới một số doanh nghiệp đã được thành lập, khu kinh tế cửa khẩu Quốc tế Hoa Lư đã đi vào hoạt động thu hút một lượng lớn người lao động từ các địa phương khác di chuyển vào huyện Lộc Ninh tìm kiếm cơ hội làm việc và định cư.

Dưới sự tác động mạnh mẽ của nền kinh tế thị trường, trong những năm vừa qua mức sống của người dân tại huyện Lộc Ninh ngày càng được cải thiện, nhu cầu sử dụng lao động ngày càng lớn. Nhưng chủ yếu là lao động tự do trong nước. Hàng hóa từ các Quốc gia trong khu vực phong phú, đa dạng liên tục được cải tiến và đổi mới, Cơ quan Quản lý thị trường gặp nhiều khó khăn trong công tác quản lý thị trường hàng hóa; nhiều đối tượng vì lợi nhuận tham gia vận chuyển hàng lậu từ các cửa khẩu Quốc tế Hoa Lư, cửa khẩu Quốc gia Tà Vát tới tiêu thụ tại huyện Lộc Ninh hoặc tập kết hàng lậu tại đây sau đó phân phối đi các địa phương trên cả nước; thì tệ nạn xã hội trên địa bàn huyện Lộc Ninh ngày càng gia tăng, đặc biệt là các tội XPSH. Điều này gây ảnh hưởng xấu đến an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và cuộc sống của nhân dân.

#### *2.1.2. Tình hình tội phạm xâm phạm sở hữu trên địa bàn huyện Lộc Ninh từ năm 2011 đến năm 2015*

Từ năm 2011 đến năm 2015, CQĐT Công an huyện Lộc Ninh đã khởi tố 560 vụ, 1088 bị can, cụ thể các tội xâm phạm sở hữu là 306 vụ, 522 bị can.

Từ năm 2011 đến năm 2015 tội phạm XPSH trên địa bàn huyện Lộc Ninh tăng, giảm không ổn định. Số lượng các tội phạm này bị phát hiện, khởi tố cao nhất vào năm 2014 với 76 vụ/ 123 bị can. Tổng số vụ án CQĐT đề nghị VKS truy tố là 249 vụ/427 bị can (chiếm 81%). Số vụ án phải tạm đình chỉ là 6 vụ/14 bị can (chiếm 1,96%) chủ yếu do chưa xác định được bị can ở đâu và chưa có kết quả giám định tài sản bị chiếm đoạt. Số vụ án phải đình chỉ điều tra là 2 vụ/3 bị can (chiếm 0,65%) theo khoản 2 Điều 107 Bộ luật TTHS. Trong số các tội XPSH có tính chất chiếm đoạt bị khởi tố, tội Trộm cắp tài sản chiếm tỉ lệ cao nhất 55,22% (169/306 vụ), tiếp đến là tội Cướp tài sản 13,07% (40/306 vụ); Lừa đảo chiếm đoạt tài sản 11,43% (35/306 vụ); tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản 8,16% (25/306 vụ); Cướp



giật tài sản 4,90 % (15/306 vụ); tội Huy hoại tài sản 2,61% (8/306vụ); tội Cường đoạt tài sản 0,98% (3/306 vụ); [Bảng 2.3]. Kết quả trên cho thấy CQĐT Công an huyện Lộc Ninh đã có nhiều cố gắng trong việc phát hiện, khám phá, điều tra tội phạm XPSH có tính chất chiếm đoạt. Tuy nhiên, nhóm tội này trên địa bàn huyện Lộc Ninh diễn biến ngày càng phức tạp, tính chất, mức độ và thủ đoạn của hành vi phạm tội ngày càng tinh vi, nghiêm trọng đã gây nhiều khó khăn cho công tác điều tra và thực hành quyền công tố, kiểm sát điều tra các vụ án này của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh.

## **2.2. Thực tiễn thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh đối với các tội xâm phạm sở hữu**

### *2.2.1. Những kết quả đạt được*

Như đã phân tích ở chương 1, hai chức năng THQCT và KSĐT nói riêng và THQCT và kiểm sát các hoạt động tư pháp nói chung của Viện kiểm sát nhân có mối quan hệ biện chứng với nhau. Công tác KSĐT là tiền đề để thực hiện công tác THQCT là kết quả phản ánh hiệu quả công tác KSĐT. Do vậy, những kết quả đạt được trong đấu tranh phòng chống các tội phạm XPSH của Viện KSND huyện Lộc Ninh là sự kết hợp nhuần nhuyễn, chặt chẽ của công tác THQCT và KSĐT.

#### *2.2.1.1. Thực hành quyền công tố đối với việc khởi tố bị can*

Để thực hiện tốt công tác THQCT đối với việc khởi tố vụ án, khởi tố bị can, Viện KSND huyện Lộc Ninh đã chú trọng công tác kiểm sát việc tiếp nhận, giải quyết các tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố của các cơ quan có thẩm quyền. Viện KSND huyện Lộc Ninh đã xây dựng được quy chế phối hợp với Công an huyện Lộc Ninh để phân loại, xử lý giải quyết các tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố. Từ năm 2011 đến năm 2015, trung bình tỷ lệ tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố được kiểm tra xác minh hàng năm là 100%. Trong đó, năm thấp nhất đạt 33,33% (2/6 tin). Với tỉ lệ trung bình chỉ 44,75 % số tin tiếp nhận được quyết định xử lý về hình sự cho thấy công tác kiểm tra xác minh đã được kiểm sát chặt chẽ, hoạt động kiểm tra xác minh về cơ bản được tiến hành theo đúng yêu cầu, vì vậy chỉ trường hợp nào có dấu hiệu tội phạm mới khởi tố vụ án, tránh tình

trạng khởi tố tràn lan. Tin báo quá hạn trung bình ở mức thấp 6,29%. Khảo sát các tin quá hạn cho thấy chủ yếu là các tin báo về các vụ trộm cắp tài sản.... không bắt được quả tang và chưa xác định được tang vật. Một số trường hợp là quá hạn do chưa có kết quả giám định (Bảng phụ lục 2.7).

Trên cơ sở nắm và quản lý kịp thời việc phân loại xử lý vi phạm của CQĐT, Viện KSND huyện Lộc Ninh đã kiểm sát chặt chẽ việc khởi tố, đảm bảo quyết định khởi tố hoặc quyết định không khởi tố VAHS của CQĐT có căn cứ và hợp pháp; số lượng quyết định khởi tố các vụ án XPSH không được phê chuẩn hay bị hủy bỏ không có trường hợp nào. Từ năm 2011 đến năm 2015, trong 5 năm từ năm 2011 đến năm 2015, Viện KSND huyện Lộc Ninh đã phê chuẩn 522 quyết định khởi tố bị can; không phê chuẩn không, trong đó yêu cầu bổ sung tài liệu chứng cứ 02 trường hợp. Ngoài ra, khi THQCT trong lĩnh vực điều tra các vụ án này, Viện KSND huyện Lộc Ninh còn yêu cầu CQĐT ra các quyết định bổ sung quyết định khởi tố vụ án và bổ sung quyết định khởi tố bị can khi phát hiện ngoài tội phạm đang được khởi tố, điều tra, người phạm tội còn có hành vi phạm tội khác cần được truy cứu TNHS (như tội Cố ý gây thương tích trong vụ án Cướp tài sản). Trên thực tế, ngoài những vụ án đã rõ về tội danh thì CQĐT tiến hành khởi tố vụ án và khởi tố bị can ngay. Còn đối với những vụ án phức tạp như những vụ án có liên quan đến tội danh “Cướp tài sản”; “Cướp giật tài sản”; “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” hay “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, đều được CQĐT và VKS trao đổi quan điểm xử lý trước khi khởi tố nhằm đảm bảo việc khởi tố, điều tra, truy tố được đúng người, đúng tội và đúng pháp luật, tránh oan sai nhưng cũng không bỏ lọt tội phạm.

#### *2.2.1.2. Thực hành quyền công trong quá trình điều tra thu thập chứng cứ*

Khi THQCT trong giai đoạn điều tra trong việc thu thập tài liệu chứng cứ, các Kiểm sát viên được giao nhiệm vụ đã tích cực, chủ động ngay từ khi khởi tố vụ án. Từ năm 2011 đến năm 2015, Viện KSND huyện Lộc Ninh đã kiểm sát điều tra 306 vụ với 522 bị can. Kiểm sát viên đã tham gia khám nghiệm hiện trường 257 vụ án, kiểm sát chặt quá trình khám nghiệm của Điều tra viên và các chuyên gia khám nghiệm, đảm bảo không bỏ sót dấu vết và bảo quản vật chứng thu được đúng pháp

luật. Bên cạnh đó, Kiểm sát viên cũng kiểm sát chặt chẽ các tài liệu giám định liên quan đến tài sản bị chiếm đoạt, các giám định về thương tích, kiểm sát các lời khai của bị can cũng như những người tham gia tố tụng khác. Qua quá trình trực tiếp kiểm sát khám nghiệm hiện trường, khám xét, hỏi cung bị can, lấy lời khai người làm chứng, người bị hại, đối chất, thực nghiệm điều tra, Kiểm sát viên phát hiện những vấn đề cần làm rõ và có văn bản yêu cầu điều tra. Từ năm 2014, theo yêu cầu của công tác thống kê tư pháp, Viện KSND huyện Lộc Ninh mới có số liệu thống kê về việc đề ra yêu cầu điều tra. Theo đó, năm 2013, 2014, 2015 Viện KSND huyện Lộc Ninh đã đề ra 357 yêu cầu điều tra đối với các vụ án hình sự nói chung, 198 yêu cầu điều tra đối với các vụ án XPSH nói riêng. Viện KSND huyện Lộc Ninh cũng yêu cầu giám định lại về tài sản bị chiếm đoạt đối với 01 vụ lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản do phát hiện CQĐT chưa làm đúng thủ tục giám định. Bên cạnh đó, Viện KSND huyện Lộc Ninh cũng trực tiếp tiến hành các hoạt động điều tra khi cần thiết, chủ yếu là hoạt động hỏi cung bị can và lấy lời khai các đương sự, phần lớn là trong các vụ án lừa đảo, lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản để làm rõ mục đích, hành vi và tài sản chiếm đoạt.

Do có những cố gắng trong THQCT trong giai đoạn điều tra nên hoạt động điều tra, truy tố được nâng lên về số lượng và chất lượng, số vụ án bị đình chỉ điều tra và số bị can đã khởi tố phải đình chỉ điều tra ngày một giảm. Năm 2011 đình chỉ 0 vụ, năm 2012 là 0 vụ, năm 2013: 0 vụ, năm 2014: 01 vụ, 02 bị can, năm 2015: 01 vụ, 01 bị can vụ [Bảng 2.1]. Mặt khác, tỷ lệ các vụ án VKS truy tố khá cao 97,23 % ( 246vụ/ 253 vụ) và số vụ án Viện KSND huyện Lộc Ninh phải trả hồ sơ cho CQĐT Công an huyện Lộc Ninh điều tra bổ sung vì thiếu chứng cứ không nhiều 01 vụ/ 01 bị can ( 0,39%) [Bảng 2.2].

#### *2.2.1.3. Thực hành quyền công tố đối với một số hoạt động khác*

- Đối với việc gia hạn thời hạn điều tra, thời hạn tạm giam, chuyển vụ án: Tất cả các đề nghị gia hạn thời hạn điều tra, thời hạn tạm giam của CQĐT đều được Viện KSND huyện Lộc Ninh đáp ứng. Trong 5 năm, Viện KSND huyện Lộc Ninh

đã quyết định chuyển 3 vụ án cho CQĐT có thẩm quyền. Các quyết định này đều đảm bảo có căn cứ và theo đúng trình tự thủ tục pháp luật.

- Đối với việc lập hồ sơ vụ án: Viện KSND huyện Lộc Ninh đã tiến hành kiểm sát chặt chẽ công tác này của CQĐT, đảm bảo các quyết định tố tụng, các tài liệu, chứng cứ của vụ án được sắp xếp theo đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật, đảm bảo đầy đủ nội dung điều tra.

- Kiểm sát hoạt động tố tụng hình sự của người tham gia tố tụng: Viện KSND huyện Lộc Ninh đã kiểm sát chặt chẽ việc tham gia các hoạt động tố tụng hình sự của người bào chữa, người làm chứng, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người giám định... đảm bảo các hoạt động của họ tuân thủ đúng quy định của pháp luật cũng như đảm bảo các quyền và lợi ích hợp pháp của họ.

### **2.2.2. Một số hạn chế**

#### **2.2.2.1. Những hạn chế**

Cùng với những kết quả tích cực đạt được nêu trên, thực tiễn THQCT trong giai đoạn điều tra các vụ án về các tội xâm phạm sở hữu cũng còn những hạn chế. Đó là:

*Thứ nhất*, việc nắm và quản lý tố giác, tin báo về tội phạm của VKS còn hạn chế, lúng túng về phương pháp công tác. Chưa nắm được đầy đủ về tình hình tội phạm trên địa bàn. Chất lượng phân loại, xử lý tố giác, tin báo về tội phạm còn thấp. Thiếu biện pháp đôn đốc CQĐT khắc phục tình trạng để tồn đọng thông tin về tội phạm, quá hạn luật định chưa giải quyết hoặc bỏ qua không xử lý dẫn đến bỏ lọt tội phạm và người phạm tội nên vẫn còn tình trạng tội phạm xảy ra nhưng không được phát hiện để khởi tố hoặc phát hiện nhưng chậm khởi tố; số lượng các VAHS đã khởi tố không phản ánh đúng thực trạng số vụ phạm tội xảy ra (nhất là đối với những vụ án trộm cắp tài sản).

Trong năm 2014, 2015 Viện KSND huyện Lộc Ninh đã tiến hành kiểm sát trực tiếp việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố ở Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Lộc Ninh. Kết quả phần lớn các tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố được giải quyết đúng quy định pháp luật. Tuy nhiên,

CQĐT Công an huyện còn chậm xác minh 20 tin (trong đó có 10 tin báo về trộm cắp tài sản) theo quy định tại Điều 103 BLTTHS, chuyển chậm quyết định phân công giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố sang cho VKS. Viện KSND huyện Lộc Ninh đã ban hành kiến nghị yêu cầu CQĐT khắc phục; CQĐT đã tiếp thu [32].

*Thứ hai*, VKS còn thụ động, chưa kịp thời có biện pháp tác động để bảo đảm việc xác minh, khởi tố VAHS, khởi tố bị can, hoạt động điều tra thu thập chứng cứ, lập hồ sơ vụ án có chất lượng, đúng pháp luật; buông lỏng hoạt động điều tra đến khi CQĐT chuyển hồ sơ đề nghị truy tố mới nghiên cứu, nếu đủ chứng cứ thì truy tố; không đủ thì trả hồ sơ điều tra bổ sung làm cho việc giải quyết vụ án bị kéo dài.

*Thứ ba*, tình trạng trả hồ sơ vụ án để điều tra bổ sung tuy từng bước đã được hạn chế nhưng chuyển biến còn chậm. Lý do chủ yếu phải trả hồ sơ điều tra bổ sung vẫn là thiếu chứng cứ quan trọng (như chưa xác định được hành vi, vị trí, vai trò của đồng phạm trong các vụ án, phạm tội có tổ chức; động cơ gây án của bị can; căn cứ quy kết trách nhiệm hình sự của bị can; chưa thu giữ vật chứng quan trọng trong vụ án; để lọt tội phạm, lọt hành vi phạm tội; khởi tố sai tội danh). Đáng lưu ý là nhiều vụ bị trả hồ sơ nhiều lần mà chưa đủ chứng cứ kết tội bị cáo. Chưa xác định được hành vi chiếm đoạt, định giá tài sản chiếm đoạt chưa chính xác... Theo số liệu thống kê, năm 2011: Tòa án trả VKS 09 vụ/34 bị cáo, năm 2012: 02 vụ/05 bị cáo; năm 2013: 01 vụ/01 bị cáo, năm 2014: 01 vụ/01 bị cáo, năm 2015: 02 vụ/05 bị cáo [32].

Vẫn còn để xảy ra 01 bị can đình chỉ không phạm tội. Số vụ tạm đình chỉ điều tra do chưa xác định được đối tượng gây án và do bị can bỏ trốn vẫn còn xảy ra nhưng chưa có biện pháp truy bắt để phục hồi điều tra, xử lý triệt để vụ án.

*Thứ tư*, Tình trạng CQĐT vi phạm thủ tục tố tụng, vi phạm thời hạn tạm giữ, tạm giam còn xảy ra. Hoạt động kiểm sát điều tra còn tách rời với hoạt động công tố và còn hình thức, nặng về phát hiện vi phạm có tính thủ tục, chưa đi sâu làm rõ bản chất vi phạm ảnh hưởng đến tính khách quan, toàn diện vụ án để kiến nghị CQĐT có biện pháp chấn chỉnh, khắc phục.

#### 2.2.2.2. Nguyên nhân những hạn chế

- Nguyên nhân khách quan:

+ Pháp luật quy định về tội XPSH còn còn những bất cập; nhiều điều luật của Bộ luật Hình sự còn quy định chung chung, thiếu cụ thể như: chưa miêu tả cụ thể dấu hiệu của các cấu thành tội phạm (ví dụ, một số dấu hiệu liên quan đến các tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản như thế nào là thủ đoạn gian dối, thế nào là bỏ trốn chiếm đoạt, thế nào là mục đích bất hợp pháp, thế nào là mất khả năng thanh toán...); xác định hậu quả của tội phạm thế nào là nghiêm trọng, rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng. Việc hướng dẫn, giải thích pháp luật của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền còn chậm, chưa kịp thời, làm cho việc nhận thức và áp dụng pháp luật hình sự trong thực tiễn còn gặp nhiều khó khăn, thiếu thống nhất ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng THQCT trong giai đoạn điều tra các vụ án XPSH.

Trong thực tiễn việc định tội danh gặp những khó khăn nhất định, trong một số trường hợp, lúc đầu người phạm tội thực hiện các hành vi mô tả trong cấu thành cơ bản của tội “cướp giật tài sản”, “công nhiên chiếm đoạt tài sản”, “trộm cắp tài sản”, “lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, nhưng sau đó đã dùng vũ lực để chiếm đoạt cho bằng được tài sản hoặc để tẩu thoát. Về vấn đề này, có nhiều quan điểm khác nhau có quan điểm cho rằng, trong mọi trường hợp việc chiếm đoạt tài sản có dùng vũ lực là phạm tội cướp tài sản, bất kể tội phạm trước khi dùng vũ lực ở giai đoạn đã hoàn thành hay phạm tội chưa đạt; có quan điểm cho rằng việc dùng vũ lực trong trường hợp đó là tình tiết định khung tăng nặng (hành hung để tẩu thoát) của tội phạm tương ứng; cũng có quan điểm cho rằng, tùy từng trường hợp cụ thể để định tội đối với hành vi dùng vũ lực là tội “cướp tài sản” (chuyển hóa tội phạm) hay tình tiết định khung tăng nặng của tội phạm tương ứng.

+ Các tội XPSH diễn biến ngày càng phức tạp, thủ đoạn phạm tội ngày càng tinh vi (nhất là đối với các tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản và lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản). Điều này gây khó khăn cho việc thu thập tài liệu, chứng cứ xác định hành vi chiếm đoạt, làm rõ các tài sản bị chiếm đoạt và do đó càng gây khó khăn cho công tác THQCT trong giai đoạn điều tra đối với nhóm tội này.

Ngoài ra, để áp dụng đúng và thống nhất quy định về các tội XPSH, ngày 25/12/2001 Liên ngành Trung ương đã ban hành Thông tư liên tịch số: 02/2001/TTLT ngày 25/11/2001 của liên ngành Bộ Công an – Bộ tư pháp – Tòa án nhân dân tối cao – Viện kiểm sát nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định tại Chương XIV “các tội xâm phạm sở hữu” của BLHS năm 1999 được ban hành cách đây gần 15 năm. Trong thời gian đó BLHS năm 1999 đã có những sửa đổi, bổ sung một số điều trong Chương “các tội xâm phạm sở hữu”, nhưng cũng chưa có Thông tư liên tịch nào khác hướng dẫn về vấn đề này.

Vì vậy, mặc dù một số hướng dẫn của Thông tư 02/2001/TTLT, nhất là yếu tố định lượng về tài sản đã được cụ thể hoá trong các quy định về các tội xâm phạm sở hữu trong BLHS 2015, liên ngành tư pháp trung ương vẫn chưa sửa đổi, bổ sung Thông tư trên cho phù hợp với những vấn đề đã được sửa đổi, bổ sung của BLHS. Bên cạnh đó, nhóm tội XPSH có tính chất chiếm đoạt có quy định về định lượng tài sản (giá trị tài sản bị xâm phạm). Nhưng chưa có các văn bản hướng dẫn cụ thể về dấu hiệu đặc trưng của các tội XPSH, dẫn đến nhiều cách hiểu khác nhau về những quy định của pháp luật về nhóm tội này. Vì vậy, cần có văn bản hướng dẫn cụ thể về dấu hiệu đặc trưng của các tội danh cụ thể, đặc biệt là các tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản và lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản vì đây là hai tội thường có quan điểm khác nhau khi định tội và trình độ nhận thức của các đối tượng phạm tội này thường có phần cao hơn các tội phạm chiếm đoạt khác, thủ đoạn phạm tội cũng ngày càng tinh vi, xảo quyệt hơn. Mặt khác, hiện nay BLHS quy định tình tiết định khung tăng nặng về giá trị tài sản bị chiếm đoạt và khung hình phạt ở các khoản 2, 3, 4 của hai tội này là giống nhau nhưng mức tối thiểu giá trị tài sản bị chiếm đoạt trong cấu thành cơ bản lại khác nhau. Theo quy định tại Điều 174 BLHS năm 2015, mức tối thiểu về giá trị tài sản bị chiếm đoạt để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản là từ 2 triệu đồng trở lên, nhưng tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản lại quy định từ 4 triệu đồng trở lên. Do định lượng cấu thành cơ bản giữa hai tội không bằng nhau nên có nhiều trường hợp phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác (có giá trị dưới 4 triệu đồng và không thuộc

một trong các trường hợp để truy cứu trách nhiệm hình sự như: Gây hậu quả nghiêm trọng, đã bị xử phạt hành chính, đã bị kết án nhưng chưa được xóa án tích), nhưng CQĐT không thể khởi tố ngay được mà phải tốn nhiều thời gian để chứng minh ý thức của người chiếm đoạt tài sản có trước hay sau khi nhận tài sản. Trong thực tế, người lừa đảo chiếm đoạt tài sản bao giờ cũng khai rằng: sau khi nhận được tài sản mới nảy sinh ý thức chiếm đoạt để trốn tránh trách nhiệm hình sự, bởi vì tài sản chiếm đoạt có giá trị dưới 4 triệu đồng, chưa đủ định lượng để khởi tố về tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản dẫn đến bỏ lọt tội phạm vì không chứng minh được ý thức chiếm đoạt có trước khi nhận tài sản.[30]

+ Điều 112 của BLTTHS năm 2003, chưa quy định đầy đủ những nhiệm vụ, quyền hạn của VKS khi thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra, gây khó khăn trong quá trình thực hiện chức năng của VKS. Điều 112 của BLTTHS chưa quy định các nhiệm vụ, quyền hạn của VKS như: Phê chuẩn khởi tố bị can, hủy bỏ các quyết định khởi tố hoặc không khởi tố vụ án hình sự, quyết định gia hạn thời hạn điều tra, thời hạn tạm giam để điều tra ... Ngoài ra, Điều 112 của BLTTHS chưa phân định rõ ràng các hoạt động nào là nhiệm vụ, quyền hạn của VKS trong giai đoạn điều tra, hoạt động nào được VKS thực hiện trong giai đoạn truy tố, cụ thể như: quy định quyết định việc truy tố bị can, đình chỉ vụ án, tạm đình chỉ vụ án là hoạt động thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra, nhưng thực chất đây là hoạt động trong giai đoạn truy tố.

+ VKSND huyện Lộc Ninh chưa xác định đúng đắn mối quan hệ giữa CQĐT và VKSND, nhiều KSV cho rằng quan hệ giữa CQĐT và VKS chỉ là quan hệ phối hợp dẫn đến VKS thụ động, phụ thuộc CQĐT trong thực hiện chức năng thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra. Trong khi đó có một số quan điểm khác lại tuyệt đối hóa mối quan hệ “ché ược” giữa VKS đối với CQĐT, cho rằng VKS chỉ đạo hoạt động điều tra và CQĐT có trách nhiệm thực hiện các hoạt động điều tra theo sự chỉ đạo của VKS. Các quan điểm này chưa phân định rõ các mối quan hệ giữa VKS và CQĐT, trong hoạt động nào là quan hệ phối hợp, hoạt động nào là quan hệ “ché ược” để vận dụng hợp lý trong quá trình điều tra.



+ Biên chế của Viện KSND huyện Lộc Ninh còn thiếu và phải thường xuyên tham gia các lớp học bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ do ngành tổ chức dẫn đến tình trạng số lượng án nói chung và lượng án XPSH nói riêng quá tải. Do đó, chưa đảm bảo được tiến độ giải quyết án và chất lượng THQCT trong giai đoạn điều tra các VAHS.

+ Mối quan hệ tổ tụng hình sự giữa CQĐT và Viện KSND trong hoạt động điều tra chưa thật tốt. Tuy pháp luật TTHS hiện hành quy định CQĐT phải thực hiện các quyết định yêu cầu của VKS nhưng chưa có cơ chế ràng buộc trách nhiệm của CQĐT. Từ đó, cho thấy mối quan hệ này chỉ là sự ràng buộc về mặt thủ tục pháp lý, còn nội dung các hoạt động điều tra như thế nào, thu thập những chứng cứ gì chủ yếu do Điều tra viên tiến hành dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng CQĐT quyết định. Điều này dẫn đến những vi phạm trong hoạt động tổ tụng ở giai đoạn điều tra diễn ra khá nhiều, đây cũng là hạn chế của pháp luật, dẫn đến VKS chưa tham gia được sâu vào quá trình điều tra VAHS, không chỉ đạo được nội dung cần điều tra, làm giảm vai trò THQCT trong giai đoạn điều tra. Bên cạnh đó, quan hệ phối hợp trong giải quyết án giữa CQĐT và Viện KSND huyện Lộc Ninh nhiều trường hợp còn thiếu chặt chẽ, nhất là việc trao đổi thông tin về kết quả điều tra và đánh giá chứng cứ vừa thu thập được. Không ít các trường hợp do không thống nhất đã ảnh hưởng đến tiến độ giải quyết án.

+ Công tác phân công, bố trí cán bộ, KSV, Kiểm tra viên của VKSND huyện Lộc Ninh chưa thật sự chú trọng. Việc chỉ đạo, điều hành đối với lãnh đạo viện trong thực hiện chức năng thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra chưa sâu sát, chưa thường xuyên kiểm tra đôn đốc cán bộ KSV, Kiểm tra viên thực hiện đầy đủ các chức năng theo BLTTHS quy định.

+ Công tác tuyển chọn, đào tạo, bổ nhiệm KSV còn nhiều bất cập, hạn chế, chưa có quy trình tuyển chọn, bồi dưỡng phát triển. Quy trình tuyển chọn KSV giới chỉ chú trọng về mặt lý thuyết, chưa coi trọng công tác thực hành quyền công tố trong điều tra, truy tố, xét xử vụ án. Đội ngũ KSV được bổ nhiệm, có một bộ phận

trình độ nghiệp vụ chuyên môn, kiến thức pháp luật chưa đáp ứng được nhu cầu cải cách tư pháp trong giai đoạn mới.

+ VKSND huyện Lộc Ninh chưa phối hợp được với CQĐT và các cơ quan khác được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra xây dựng các quy chế phối hợp giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố, quy chế phối hợp trong điều tra vụ án hình sự, trả hồ sơ điều tra bổ sung ... Vì vậy, thực tiễn chưa gắn kết hoạt động giữa VKS với CQĐT và các cơ quan khác được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra, chưa có cơ chế quy trách nhiệm trong thực nhiệm vụ của KSV, ĐTV, cán bộ có thẩm quyền điều tra trong quá trình điều tra vụ án.

+ Một số KSV chưa nhận thức đầy đủ tầm quan trọng của chức năng thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra của VKS, nên đã không chú trọng thực hiện nghiêm túc các nhiệm vụ, quyền hạn mà BLTTHS đã quy định. Bên cạnh đó, cũng còn một số KSV năng lực hạn chế chưa thấy được vai trò, vị trí của KSV trong giai đoạn điều tra. Phần lớn KSV lệ thuộc vào sự chỉ đạo của Viện trưởng, Phó Viện trưởng, dựa dẫm vào kết quả điều tra của ĐTV chưa chủ động trong thực hành quyền công tố.

+ Đội ngũ KSV trực tiếp làm công tác thực hành quyền công tố hiện tại còn thiếu về số lượng, chất lượng không đồng đều, KSV phải kiêm nhiệm một lúc nhiều khâu nghiệp vụ công tác kể cả từ hình sự, dân sự, thi hành án hoặc các nhiệm vụ khác được phân công. Do phải dằn trải nhiều công việc và lượng án quá tải, nên chất lượng thực hành quyền công tố chưa cao, chưa đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp.

+ Điều kiện làm việc, phương tiện kỹ thuật, kinh phí nghiệp vụ hạn chế, nghèo nàn đã làm giảm hiệu quả và tính kịp thời của hoạt động THQCT trong giai đoạn điều tra, nhất là đối với hoạt động của Kiểm sát viên khi thực hiện một số hoạt động điều tra. Mặc dù, trong những năm gần đây, ngành kiểm sát đã được chú ý đầu tư về cơ sở vật chất theo tinh thần của Nghị quyết 49-NQ/TW của Bộ Chính trị nhưng vẫn chưa đáp ứng được những yêu cầu về cơ sở vật chất và phương tiện phục vụ kỹ thuật công tác.

*- Nguyên nhân chủ quan:*

+ Cơ cấu bộ máy và cơ chế quản lý điều hành của Viện KSND huyện Lộc Ninh còn chậm đổi mới, mang nặng dấu ấn hành chính, chưa tương thích với hoạt động điều tra các VAHS của CQĐT. Công tác bố trí cán bộ, Kiểm sát viên có phần dàn đều cả về số lượng và chất lượng nhưng chưa chú trọng đến những cán bộ có năng lực chuyên môn nghiệp vụ;

+ Chế độ thống kê, quản lý hành chính tư pháp cũng như chế độ thỉnh thị, báo cáo chưa được chấp hành nghiêm chỉnh. Công tác hướng dẫn của VKS cấp trên còn chưa đáp ứng được kịp thời những vấn đề còn vướng mắc của VKS cấp dưới. Chưa có quy trình quản lý, xử lý án hình sự đối với từng loại tội phạm. Việc kiểm tra theo chuyên đề, chuyên môn, nghiệp vụ chưa được quan tâm rút kinh nghiệm, đề ra biện pháp chấn chỉnh, khắc phục.

+ Công tác tổ chức, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ chưa ngang tầm với yêu cầu thực hiện chức năng, nhiệm vụ của VKS theo yêu cầu cải cách tư pháp và hội nhập Quốc tế. Việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, Kiểm sát viên còn nặng về lý luận, kiến thức pháp luật; chưa chú ý rèn luyện kỹ năng THQCT, kiểm sát điều tra và trang bị kiến thức chuyên ngành về điều tra tội phạm, tài chính, kinh tế và pháp luật Quốc tế. Nhận thức về chức năng, nhiệm vụ của một bộ phận cán bộ, Kiểm sát viên chưa đầy đủ; trình độ chuyên môn, nghiệp vụ còn hạn chế. Một số Kiểm sát viên trách nhiệm nghề nghiệp chưa cao.

### Chương 3

## DỰ BÁO TÌNH HÌNH VÀ GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỐ TRONG GIAI ĐOẠN ĐIỀU TRA ĐỐI VỚI CÁC TỘI XÂM PHẠM SỞ HỮU TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN LỘC NINH

### 3.1. Dự báo các tình hình có liên quan đến hoạt động thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra các vụ án về các tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

#### 3.1.1. Dự báo tình hình các tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn huyện Lộc Ninh trong thời gian tới

Theo quy hoạch phát triển và tầm nhìn đến năm 2020 của Chính phủ và của tỉnh Bình Phước thì trong những năm tới, huyện Lộc Ninh sẽ trở thành một trong những trung tâm Thương mại - Dịch vụ - Hành chính của cửa khẩu Quốc tế Hoa Lư với các dịch vụ hiện đại về tài chính, ngân hàng, giáo dục, y tế, hàng nông sản. Điều này sẽ thu hút một lượng lớn các dự án đầu tư, các nguồn nhân lực trong và ngoài nước, thúc đẩy nền kinh tế, xã hội của huyện Lộc Ninh đạt được những bước tiến mới. Tuy nhiên, theo dự báo nền kinh tế thế giới nói chung vẫn chưa thoát khỏi tình trạng suy thoái, tình hình lạm phát và giá cả tăng cao, đời sống nhân dân vẫn còn gặp nhiều khó khăn nên hoạt động của tội phạm hình sự và tệ nạn xã hội còn nhiều diễn biến phức tạp. Đồng thời với sự hội nhập kinh tế, các phương thức thủ đoạn phạm tội ở nước ngoài sẽ du nhập vào Việt Nam mà Lộc Ninh là một trong những địa bàn chủ yếu sẽ ảnh hưởng không nhỏ làm phức tạp thêm tình hình tội phạm của tỉnh Bình Phước nói chung và huyện Lộc Ninh nói riêng.

Với dự báo về tình hình kinh tế, xã hội như trên, có thể đưa ra dự báo về tình hình tội phạm XPSH trên địa bàn huyện Lộc Ninh từ năm 2016 đến năm 2021 như sau:

Từ năm 2016 đến năm 2021, tình hình tội phạm ở huyện Lộc Ninh sẽ còn diễn biến phức tạp. Các tội XPSH vẫn chiếm tỷ lệ lớn (khoảng 45 - 47%) trong số các vụ án được khởi tố, điều tra hàng năm. Một số tội nghiêm trọng như cướp, cướp giết, trộm cắp, lừa đảo chiếm đoạt tài sản... chưa giảm. Đối tượng thực hiện loại tội

phạm này sẽ đa dạng hơn. Ngoài đối tượng tại chỗ, không có nghề nghiệp hoặc nghề nghiệp không ổn định thì còn có thể xuất hiện nhiều đối tượng từ các địa phương khác liên kết gây án và đặc biệt tội phạm có thể xảy ra nhiều trong học sinh. Địa bàn phạm tội sẽ tập trung xảy ra trên các địa bàn biên giới cửa khẩu Quốc tế Hoa Lư và cửa khẩu Quốc gia Tà Vát... Bên cạnh đó, thủ đoạn phạm tội sẽ ngày càng tinh vi và nguy hiểm hơn đặc biệt đối với các vụ trộm cắp tài sản, lừa đảo hoặc lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, số tiền bị chiếm đoạt có thể lên tới hàng chục tỷ đồng và có liên quan đến nhiều thành phần trong xã hội. Dự báo trong 5 năm tới, huyện Lộc Ninh bình quân sẽ xảy ra khoảng 600 – 700 vụ án hình sự, trong đó có 300 – 400 vụ án XPSH. Nhìn chung, tình hình tội phạm sẽ có xu thế tăng giảm không ổn định, tỷ lệ tăng giảm trong năm sẽ không lớn. Tuy nhiên, tính chất tội phạm sẽ ngày càng phức tạp, mức độ phạm tội ngày càng nghiêm trọng, hình thức, thủ đoạn phạm tội sẽ đa dạng hơn, gây ra những hậu quả về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội làm ảnh hưởng đến sự phát triển lành mạnh của tỉnh Bình Phước nói chung và huyện Lộc Ninh nói riêng.

*3.1.2. Những yếu tố khác tác động đến hoạt động thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra các tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn huyện Lộc Ninh trong thời gian tới*

*- Cơ sở pháp lý của hoạt động TTHS nói chung, hoạt động THQCT đối với các tội xâm phạm sở hữu nói riêng sẽ có những thay đổi.*

Hiến pháp năm 2013; Luật tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014, Luật tổ chức Viện KSND năm 2014 đã có hiệu lực thi hành; Bộ luật hình sự sửa đổi, Luật tổ chức điều tra hình sự và Bộ luật tố tụng hình sự sửa đổi sẽ có hiệu lực thi hành trong thời gian tới. Vì vậy, quy định về các tội xâm phạm sở hữu có những điểm mới; cơ cấu tổ chức hệ thống cơ quan tư pháp và hoạt động tố tụng hình sự sẽ có những thay đổi mạnh mẽ theo hướng tạo tính độc lập cao hơn cho hệ thống cơ quan này.

Luật tổ chức Viện KSND năm 2014 đã được Quốc hội khóa XIII kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 25/11/2014 gồm 6 chương, 101 điều đã sửa đổi căn bản, toàn diện

về tổ chức và hoạt động của Viện KSND nhằm thể chế Hiến pháp năm 2013 và yêu cầu cải cách tư pháp. Cơ cấu tổ chức của hệ thống VKSND sẽ có những thay đổi nhất định. Các chức danh tư pháp trong Viện KSND được chuẩn hóa, chức năng THQCT trong giai đoạn điều tra đã được quy định cụ thể trong luật, là cơ sở pháp lý vững chắc cho các hoạt động THQCT trong hoạt động điều tra các VAHS. Đội ngũ Kiểm sát viên các cấp sẽ được tăng cường và nâng cao trình độ cũng là điều kiện thuận lợi cho hoạt động THQCT trong giai đoạn điều tra các vụ án hình sự. Tổ chức CQĐT cũng sẽ thay đổi cơ bản khi Luật tổ chức điều tra hình sự có hiệu lực thi hành. Với yêu cầu của cải cách tư pháp, Luật tổ chức điều tra hình sự cũng sẽ có những thay đổi căn bản theo hướng minh bạch hóa các vấn đề về tổ chức và hoạt động điều tra. Chủ thể điều tra và các chức danh tư pháp trong CQĐT sẽ xác định cụ thể, rõ ràng, thuận lợi cho việc THQCT trong giai đoạn điều tra các VAHS. Các hoạt động điều tra sẽ chịu sự giám sát của nhiều chủ thể khác nhau. Việc ban hành và sửa đổi một loạt các văn bản luật như trên vừa là thuận lợi nhưng đồng thời cũng đặt ra những yêu cầu mới cho hoạt động THQCT trong giai đoạn điều tra các VAHS của Viện KSND huyện Lộc Ninh. Bởi vì, sự thay đổi về mặt tổ chức đòi hỏi cần một thời gian nhất định để thích nghi và đi vào nề nếp, qua đó những vấn đề phù hợp và bất cập được bộc lộ.

*- Quá trình hoàn thiện và chuẩn hóa các chức danh tư pháp trong tiến trình cải cách tư pháp sẽ tác động lớn đến quá trình tiến hành tố tụng trong giai đoạn điều tra và hoạt động thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra các vụ án hình sự.*

Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng “*Cán bộ là cái gốc của mọi công việc*” [8, tr.269], “*Muốn việc có thành công hay thất bại đều do cán bộ tốt hoặc kém*” [8, tr.240]. Do vậy, con người là yếu tố quyết định thành hay bại của công tác THQCT trong giai đoạn điều tra các VAHS trong thời gian tới. Trước hết, với yêu cầu của các luật mới, các chức danh tiến hành tố tụng trong giai đoạn điều tra bao gồm Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng CQĐT, Điều tra viên, Cán bộ điều tra; Viện trưởng, Phó Viện trưởng và Kiểm sát viên; kiểm tra viên sẽ được chuẩn hóa về phẩm chất chính

trị, trình độ đào tạo và thâm niên, kinh nghiệm công tác. Đáp ứng yêu cầu này sẽ góp phần rất lớn vào việc nâng cao chất lượng THQCT trong giai đoạn điều tra các VAHS. Tuy nhiên, do sự tác động của nhiều yếu tố tiêu cực, cũng không loại trừ một bộ phận cán bộ trong các cơ quan quản lý Nhà nước, Cơ quan bảo vệ pháp luật trong đó có cả trong CQĐT, VKS thoái hóa, biến chất, bao che, dung túng cho tội phạm. Những người này sẽ là rào cản lớn đối với hoạt động THQCT trong giai đoạn điều tra các VAHS.

Những dự báo trên đây là nhận định chủ quan của tác giả xuất phát từ nghiên cứu lý luận, thực tiễn THQCT trong giai đoạn điều tra và xu thế vận hành trong giai đoạn tiếp theo của tình hình kinh tế xã hội, xu hướng cải cách tổ chức và hoạt động của bộ máy Nhà nước, có tham khảo nhận định của các nhà khoa học. Những dự báo này cùng với sự đánh giá các vấn đề lý luận và thực tiễn hoạt động THQCT trong giai đoạn điều tra các vụ án XPSH là cơ sở để đưa ra các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả THQCT trong giai đoạn điều tra nhóm tội này của Viện KSND huyện Lộc Ninh.

### **3.2. Giải pháp tăng cường thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra các tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.**

#### *3.2.1. Hoàn thiện cơ sở pháp lý cho hoạt động thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp*

Trong thời gian qua, được sự quan tâm của Đảng và Nhà nước, công tác xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật nước ta đã có những tiến bộ quan trọng, nhiều Bộ luật, Luật được sửa đổi, bổ sung, ban hành kịp thời thể chế hóa đường lối của Đảng, tạo một khuôn khổ pháp lý ngày càng hoàn chỉnh hơn, nâng cao hiệu quả quản lý của Nhà nước, đẩy mạnh phát triển kinh tế, giữ vững sự ổn định chính trị - xã hội. Song hệ thống pháp luật nước ta nói chung, pháp luật trong lĩnh vực tư pháp hình sự nói riêng vẫn không tránh khỏi những hạn chế, chưa hoàn thiện, thiếu đồng bộ và còn nhiều sơ hở [4, tr. 2], chính sách hình sự, chế định pháp luật về tố tụng tư pháp hình sự còn nhiều bất cập, chậm được sửa đổi, bổ sung [1, tr.1]... Đây cũng chính là một trong các nguyên nhân của hạn chế, thiếu sót hiện đang tồn tại làm ảnh

hưởng không nhỏ đến hiệu quả của công tác THQCT trong giai đoạn điều tra của VKS.

Vì vậy, tiếp tục xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật là đòi hỏi của thực tiễn, là điều kiện có ý nghĩa quyết định đến việc nâng cao chất lượng THQCT trong giai đoạn điều tra của VKS. Trước mắt, Viện KSND tối cao cần ban hành các văn bản chỉ đạo để Viện KSND các cấp, trong đó có Viện KSND huyện Lộc Ninh có cơ sở triển khai tổ chức lại bộ máy. Cần hoàn chỉnh hệ thống pháp luật hình sự, pháp luật TTHS theo hướng quy định thống nhất, đồng bộ. Đặc biệt là các quy định của BLTTHS phải chặt chẽ, cụ thể về trình tự thủ tục điều tra, kiểm sát điều tra.

#### *3.2.1.1. Hoàn thiện Bộ luật Hình sự và các văn bản hướng dẫn thi hành*

BLHS năm 2015 đã được sửa đổi bổ sung một số điều của BLHS năm 1999 tuy chưa có hiệu lực thi hành nhưng qua nghiên cứu một số điều luật xét thấy vẫn còn vướng mắc trong quá trình áp dụng đó là:

Đối với việc áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh theo quy định tại Điều 49 của BLHS năm 2015: Qua thực tế có nhiều trường hợp bị can bị bệnh tâm thần như tâm thần phân liệt, tâm thần do rối loạn cảm xúc... hoặc các bệnh hiểm nghèo như bệnh ung thư, bị nhiễm HIV ... và theo kết luận của Hội đồng giám định pháp y thì bị can bị hạn chế khả năng nhận thức, khả năng điều khiển hành vi, cần phải điều trị, vì vậy, việc tiến hành các hoạt động tố tụng như lấy lời khai, bản cung.. đối với họ là không đảm bảo quyền lợi của bị can, bị cáo trong việc giải quyết vụ án hình sự. Mặt khác, tại điểm b khoản 1 Điều 229 của BLTTHS năm 2015 quy định: *“Khi có kết luận giám định tư pháp xác định bị can bị bệnh tâm thần hoặc bệnh hiểm nghèo thì có thể tạm đình chỉ điều tra trước khi hết thời hạn điều tra”*.

Như vậy, đối với các trường hợp nêu trên, CQĐT sẽ tạm đình chỉ điều tra khi hết thời hạn điều tra vụ án hình sự và giao bị can cho gia đình quản lý, điều trị vì đây không thuộc trường hợp áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh theo khoản 2 Điều 49 của BLHS năm 2015. Tuy nhiên, nhiều trường hợp bị can không có người thân, CQĐT không biết giao bị can cho ai khi vụ án được tạm đình chỉ hoặc bị can



có người thân thích nhưng không có khả năng quản lý hoặc điều kiện kinh tế để đưa bị can đi điều trị bệnh, dễ dẫn đến những hành vi phạm tội tiếp theo của bị can. Vì vậy, theo tác giả, cần mở rộng đối tượng áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh không chỉ là các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 49 của BLHS năm 2015 mà áp dụng cả các đối tượng nêu trên; do vậy, Khoản 2 Điều 49 BLHS năm 2015 đề nghị sửa đổi như sau: *“Đối với thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội, trong khi mắc bệnh tâm thần hoặc bệnh hiểm nghèo khác, thì tùy theo giai đoạn tố tụng, VKS hoặc Tòa án căn cứ vào kết luận của Hội đồng giám định pháp y, có thể quyết định đưa họ vào một cơ sở điều trị chuyên khoa để bắt buộc chữa bệnh; nếu thấy không cần thiết phải đưa vào cơ sở điều trị chuyên khoa, thì có thể giao cho gia đình hoặc người giám hộ trông nom dưới sự giám sát của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền”*.

### *3.2.1.2. Về việc hoàn thiện hệ thống các nguyên tắc cơ bản của BLTTHS năm 2015*

Trước hết, chúng ta hiểu nguyên tắc là những điều cơ bản đã được quy định nhằm điều chỉnh mối quan hệ xã hội nào đó. Từ đó, có thể nói rằng nguyên tắc của TTHS là những nguyên tắc cơ bản, chi phối và điều chỉnh các giai đoạn TTHS. Hệ thống các nguyên tắc của TTHS không chỉ có ý nghĩa là kim chỉ nam cho toàn bộ hoạt động TTHS trong thực tế áp dụng mà còn là tiền đề, căn cứ quan trọng để xây dựng BLTTHS. Bản chất của Nhà nước ta là Nhà nước pháp quyền XHCN của dân, do dân và vì dân, vì thế mà mọi nguyên tắc của TTHS cũng mang đượm tư tưởng dân chủ và pháp chế. Từ những luận điểm trên tác giả kiến nghị sửa đổi, bổ sung một số nguyên tắc cơ bản sau đây vào BLTTHS năm 2015:

*- Sửa, bổ sung nội dung nguyên tắc bảo đảm pháp chế xã hội chủ nghĩa trong tố tụng hình sự:*

Điều 7 của BLTTHS năm 2015 quy định: *“Mọi hoạt động tố tụng hình sự phải được thực hiện theo quy định của Bộ luật này. Không được giải quyết nguồn tin về tội phạm, khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử ngoài những căn cứ và trình tự, thủ tục do Bộ luật này quy định”*.

Theo quan điểm của tác giả quy định như hiện tại là chưa đầy đủ, chưa thể hiện được rõ nội dung của nguyên tắc bảo đảm pháp chế XHCN trong TTTHS; bởi lẽ, điều luật này chỉ quy định mọi hoạt động TTTHS của các chủ thể nêu trên phải được tiến hành theo quy định của Bộ luật này mà không quy định cụ thể hậu quả pháp lý của việc không thực hiện các quy định đó. Tác giả đề xuất bổ sung thêm Điều 7 BLTTTHS năm 2015 với nội dung sau:

*Trong quá trình tố tụng hình sự (điều tra, truy tố, xét xử) nếu các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng vi phạm các quy định của Bộ luật này thì những chứng cứ thu thập được sẽ không được coi là hợp lệ.*

*Mọi quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng phải hợp pháp, có căn cứ và phải nêu rõ lý do.*

*Mọi hành vi vi phạm các quy định của Bộ luật này đều phải bị xử lý nghiêm minh theo quy định của pháp luật.*

*- Sửa, bổ sung Điều 18 BLTTTHS năm 2015 về Trách nhiệm khởi tố và xử lý vụ án hình sự:*

*Điều 18 của BLTTTHS năm 2015 quy định: “Khi phát hiện hành vi có dấu hiệu tội phạm, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng có trách nhiệm khởi tố vụ án, áp dụng các biện pháp do Bộ luật này quy định để xác định tội phạm và xử lý người phạm tội, pháp nhân phạm tội.*

*Không được khởi tố vụ án ngoài những căn cứ và trình tự, thủ tục do Bộ luật này quy định”.*

Theo quan điểm của tác giả quy định như vậy là chưa đầy đủ. Bởi lẽ, ngoài CQĐT, VKS, Tòa án thì vẫn còn một số cơ quan khác có trách nhiệm khởi tố và xử lý vụ án hình sự theo quy định của Bộ luật này. Điều 153 BLTTTHS năm 2015 quy định thẩm quyền khởi tố vụ án:

*1. Cơ quan điều tra quyết định khởi tố vụ án hình sự đối với tất cả vụ việc có dấu hiệu tội phạm, trừ những vụ việc do cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một*

số hoạt động điều tra, Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử đang thụ lý, giải quyết quy định tại các khoản 2, 3 và 4 Điều này.

2. Cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra ra quyết định khởi tố vụ án hình sự trong trường hợp quy định tại Điều 164 của Bộ luật này.

3. Viện kiểm sát ra quyết định khởi tố vụ án hình sự trong trường hợp:

a) Viện kiểm sát hủy bỏ quyết định không khởi tố vụ án hình sự của Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra;

b) Viện kiểm sát trực tiếp giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố;

c) Viện kiểm sát trực tiếp phát hiện dấu hiệu tội phạm hoặc theo yêu cầu khởi tố của Hội đồng xét xử.

4. Hội đồng xét xử ra quyết định khởi tố hoặc yêu cầu Viện kiểm sát khởi tố vụ án hình sự nếu qua việc xét xử tại phiên tòa mà phát hiện có việc bỏ lọt tội phạm.

Như vậy, Điều 18 BLTTHS năm 2015 đã bỏ quên trách nhiệm khởi tố và xử lý vụ án hình sự của một số cơ quan khác được quy định tại Điều 159 và Điều 164 của BLTTHS năm 2015. Bên cạnh đó, theo quan điểm của tác giả thì nên bỏ thẩm quyền khởi tố VAHS của Tòa án bởi lý do Tòa án là cơ quan xét xử nên việc Tòa án ra quyết định khởi tố VAHS sẽ không đảm bảo tính khách quan trong việc giải quyết vụ án và không phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Tòa án (chức năng xét xử). Việc giao cho Tòa án thẩm quyền này là lấn sân sang quyền công tố của VKS bởi hoạt động khởi tố, điều tra cũng là một trong những nội dung của quyền công tố.

Từ những phân tích trên tác giả kiến nghị sửa đổi, bổ sung Điều 18 BLTTHS năm 2015 như sau: "*Khi phát hiện có dấu hiệu tội phạm thì CQĐT, VKS và các cơ quan khác được giao tiến hành một số hoạt động điều tra theo luật định trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm khởi tố vụ án và áp dụng các biện pháp do Bộ luật này quy định để xác định tội phạm và xử lý người phạm tội.*

*Không được khởi tố vụ án ngoài những căn cứ và trình tự do Bộ luật này quy định.*".

*- Bổ sung nguyên tắc việc xét xử do Tòa án tiến hành với nội dung: Tòa án là cơ quan duy nhất có thẩm quyền xét xử, khi xét xử Tòa án chỉ tuân theo pháp luật.*

Hiện nay trước yêu cầu, nhiệm vụ cải cách tư pháp theo phương châm “Tòa án là trung tâm, hoạt động xét xử là trọng tâm” thì việc bổ sung nguyên tắc này là cần thiết.

*- Bổ sung nguyên tắc suy đoán vô tội:*

Mặc dù BLTTHS hiện hành chưa ghi nhận nguyên tắc này nhưng trên thực tế nội dung của nó đã được thể hiện rõ tại các điều luật như: Điều 13, Điều 14 BLTTHS năm 2015. Như vậy, có thể hiểu nguyên tắc suy đoán vô tội với những nội dung sau:

*Thứ nhất*, chừng nào Tòa án chưa tuyên án và bản án chưa có hiệu lực pháp luật thì bị can, bị cáo chưa bị coi là người phạm tội và CQĐT, VKS phải tạo điều kiện cho họ chứng minh gỡ tội cho mình.

*Thứ hai*, trách nhiệm chứng minh tội phạm thuộc về các cơ quan tiến hành tố tụng. Việc chứng minh tội phạm phải hợp pháp và có căn cứ, phải đảm bảo làm rõ cả chứng cứ buộc tội và chứng cứ gỡ tội và loại bỏ, ngăn ngừa khả năng tiên liệu trước trong việc xử lý vụ án hình sự.

*Thứ ba*, bị can, bị cáo có quyền nhưng không buộc phải chứng minh là mình vô tội, họ được quyền giữ im lặng.

*- Bổ sung nguyên tắc bảo đảm quyền im lặng của bị can, bị cáo trong mọi giai đoạn tố tụng.*

Có thể quy định nội dung của nguyên tắc này như sau: Trong mọi giai đoạn tố tụng bị can, bị cáo có quyền giữ im lặng, không bị buộc khai báo chống lại mình. Việc thực hiện quyền im lặng không được giải thích theo hướng bất lợi cho họ.

Đây là một trong những nguyên tắc có mối liên hệ mật thiết với quan niệm Suy đoán vô tội.

*- Bổ sung nguyên tắc bảo đảm tranh tụng trong xét xử:*

Nguyên tắc tranh tụng được quy định sẽ giúp quá trình tố tụng diễn ra dân chủ hơn, các quyền con người của cá nhân người phạm tội được bảo đảm; việc buộc

tội, gỡ tội rõ ràng, minh bạch. Nguyên tắc này đòi hỏi chức năng buộc tội, chức năng gỡ tội và chức năng xét xử phải có sự phân định rạch ròi. Với quan niệm như vậy có thể quy định nội dung nguyên tắc này như sau:

Tòa án là trung tâm của hoạt động xét xử (trọng tài). Tại phiên tòa Tòa án phải bảo đảm việc tranh luận bình đẳng giữa bên buộc tội và bên gỡ tội.

Ngoài ra, Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/06/2005 của Bộ Chính trị về "Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020" có đặt ra yêu cầu là "*phân định rõ thẩm quyền quản lý hành chính với trách nhiệm, quyền hạn tư pháp trong hoạt động tư pháp theo hướng tăng quyền và trách nhiệm cho Điều tra viên, Kiểm sát viên và Thẩm phán để họ chủ động trong việc thực thi nhiệm vụ, nâng cao tính độc lập và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các hành vi và quyết định tố tụng của mình*". Việc thực hiện yêu cầu này là hết sức cần thiết để hoạt động tư pháp tiến hành trôi chảy, khắc phục tính hình thức, quan liêu. Trong đó, một trong những vấn đề trọng tâm của ngành kiểm sát là nâng cao chất lượng thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Kiểm sát viên làm sao để họ phát huy được tính tự thực hiện, tự chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước Viện trưởng VKS về những hành vi và quyết định tố tụng của mình.

Trong quá trình giải quyết một VAHS có hai loại thẩm quyền thường được sử dụng, vừa có sự độc lập lại vừa có quan hệ chặt chẽ với nhau đó là thẩm quyền quản lý hành chính và thẩm quyền tố tụng (quyền hạn tư pháp). Thẩm quyền quản lý hành chính là quyền tổ chức, quản lý, điều hành, phân công, kiểm tra, giám sát của những người đứng đầu cơ quan tiến hành tố tụng (trong VKS và Viện trưởng, Phó Viện trưởng) đối với người được giao nhiệm vụ tiến hành tố tụng đối với vụ án (Kiểm sát viên) và được thực hiện bằng phương pháp quyền uy - phục tùng. Thẩm quyền tố tụng (quyền hạn tư pháp) là quyền hạn của người tiến hành tố tụng (Kiểm sát viên) được thực hiện một cách độc lập theo trình tự, thủ tục tố tụng để giải quyết một vụ án và phải tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về hành vi và quyết định của mình. Thẩm quyền quản lý hành chính chịu sự điều chỉnh và

tuân thủ các quy định trong luật hành chính trong khi đó thẩm quyền tố tụng chịu sự điều chỉnh và phải tuân thủ các quy định của pháp luật tố tụng hình sự.

Tính độc lập của thẩm quyền tố tụng đối với thẩm quyền quản lý hành chính xuất phát từ yêu cầu bảo đảm tính khách quan của việc giải quyết một vụ án hình sự. Kiểm sát viên là những người trực tiếp thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra, xét xử một VAHS sẽ có những hành vi, đưa ra những quyết định tố tụng nhất định, gắn liền với một sự kiện, tình huống cụ thể. Kiểm sát viên phải được độc lập để chỉ giải quyết VAHS theo các quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm cá nhân về hành vi, quyết định của mình, không bị chi phối bởi các thẩm quyền khác. Mỗi quan hệ tương tác lẫn nhau giữa thẩm quyền tố tụng với thẩm quyền quản lý hành chính thể hiện ở việc trong quá trình giải quyết vụ án hình sự, thẩm quyền quản lý hành chính có tác động thúc đẩy hoặc kìm hãm việc thực hiện các thẩm quyền tố tụng. Nếu Viện trưởng, Phó Viện trưởng VKS các cấp phân biệt rõ ranh giới, phạm vi giữa hai thẩm quyền này sẽ tạo điều kiện cho quá trình tố tụng được tiến hành trôi chảy, xử lý vụ án được khách quan, kịp thời, toàn diện và đúng đắn. Nếu thẩm quyền quản lý hành chính lấn át thẩm quyền tố tụng sẽ phát sinh tình trạng Kiểm sát viên luôn thụ động, không phát huy trách nhiệm, dựa dẫm. Sau khi được phân công thụ lý vụ án, Kiểm sát viên phải được độc lập thực hiện các hành vi theo quy định của pháp luật TTHS, nếu Viện trưởng, Phó Viện trưởng dùng mệnh lệnh hành chính chi phối hoạt động tố tụng của những người này thì sẽ hạn chế, làm mất đi tính độc lập của họ trong việc tìm kiếm, đánh giá sự thật khách quan của VAHS. Thẩm quyền tố tụng cũng tác động đến chất lượng, hiệu quả của việc thực hiện thẩm quyền quản lý hành chính, nếu Kiểm sát viên không chấp hành đầy đủ, đúng các mệnh lệnh, quyết định, chỉ thị hành chính của Viện trưởng, Phó Viện trưởng, tất yếu phát sinh tình trạng “vô kỷ luật”, tùy tiện và như vậy sẽ hạn chế chất lượng hoạt động của cơ quan tiến hành tố tụng.

Để Kiểm sát viên bảo đảm tính “*công minh, chính trực, khách quan*” trong việc giải quyết các VAHS theo chức năng, nhiệm vụ của mình thì vấn đề xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật được đặt ra hơn bao giờ hết. Các quy định của pháp

luật càng cụ thể, đầy đủ, dễ áp dụng vào thực tiễn bao nhiêu thì việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Kiểm sát viên càng hiệu quả bấy nhiêu. Nhiệm vụ, quyền hạn của Kiểm sát viên khi thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong vụ án hình sự được quy định tại khoản 1 Điều 42 BLTTHS năm 2015. Những quy định này nhìn chung đã khái quát được nhiệm vụ, quyền hạn của Kiểm sát viên trong suốt quá trình giải quyết vụ án nhưng lại chưa làm giải quyết được vấn đề phân định rõ ràng đâu là hoạt động thể hiện quyền hạn tố tụng, đâu là hoạt động thể hiện việc chấp hành sự phân công của Viện trưởng, Phó Viện trưởng cụ thể như sau:

*Thứ nhất*, Kiểm sát viên là nhân vật trung tâm, trực tiếp tiến hành hầu hết các hành vi tố tụng để giải quyết một VAHS nhưng có quyền năng tố tụng rất hạn chế. Kiểm sát viên chỉ độc lập thực hiện một số hoạt động tố tụng như: Kiểm sát việc tiếp nhận, giải quyết nguồn tin về tội phạm của cơ quan, người có thẩm quyền; trực tiếp giải quyết và lập hồ sơ giải quyết nguồn tin về tội phạm; kiểm sát việc thụ lý, giải quyết nguồn tin về tội phạm, khởi tố, áp dụng biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế; kiểm sát việc lập hồ sơ giải quyết nguồn tin về tội phạm, việc lập hồ sơ vụ án của cơ quan, người có thẩm quyền điều tra; kiểm sát hoạt động khởi tố, điều tra của CQĐT, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra; trực tiếp kiểm sát việc khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi, đối chất, nhận dạng, nhận biết giọng nói, thực nghiệm điều tra, khám xét; kiểm sát việc tạm đình chỉ, phục hồi việc giải quyết nguồn tin về tội phạm; việc tạm đình chỉ điều tra, đình chỉ điều tra, phục hồi điều tra, kết thúc điều tra; đề ra yêu cầu điều tra; yêu cầu CQĐT truy nã, đình nã bị can; triệu tập và hỏi cung bị can; triệu tập và lấy lời khai người tố giác, báo tin về tội phạm, người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố, người đại diện theo pháp luật của pháp nhân, người làm chứng, bị hại, đương sự; lấy lời khai người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp; quyết định áp giải người bị bắt, bị can; quyết định dẫn giải người làm chứng, người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố, bị hại; quyết định giao người dưới 18 tuổi cho cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm giám sát; quyết định thay đổi người giám sát người dưới 18 tuổi phạm

tội; trực tiếp tiến hành một số hoạt động điều tra theo quy định của Bộ luật này; yêu cầu thay đổi người có thẩm quyền tiến hành tố tụng; yêu cầu hoặc đề nghị cử, thay đổi người bào chữa; yêu cầu cử, đề nghị thay đổi người phiên dịch, người dịch thuật; tiến hành tố tụng tại phiên tòa; công bố cáo trạng hoặc quyết định truy tố theo thủ tục rút gọn, các quyết định khác của VKS về việc buộc tội đối với bị cáo; xét hỏi, đưa ra chứng cứ, tài liệu, đồ vật, luận tội, tranh luận, phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án tại phiên tòa, phiên họp; kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong giai đoạn xét xử của Tòa án và những người tham gia tố tụng; kiểm sát bản án, quyết định và các văn bản tố tụng khác của Tòa án; Kiểm sát việc thi hành bản án, quyết định của Tòa án; thực hiện quyền yêu cầu, kiến nghị theo quy định của pháp luật; thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn tố tụng khác thuộc thẩm quyền của VKS theo sự phân công của Viện trưởng VKS theo quy định của Bộ luật này. So sánh quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Kiểm sát viên khi thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật tại Điều 42 BLTTHS năm 2015 và nhiệm vụ, quyền hạn của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa tại Điều 45 BLTTHS năm 2015 có thể thấy, mặc dù cùng là người tiến hành tố tụng nhưng Kiểm sát viên không được giao những quyền độc lập như Thẩm phán. Thẩm phán được phân công chủ tọa phiên tòa có quyền áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn (trừ biện pháp ngăn chặn tạm giam thuộc thẩm quyền của Chánh án, Phó Chánh án Tòa án), trong khi đó Kiểm sát viên là người trực tiếp xử lý vụ án chỉ có quyền đề xuất áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn và kiểm sát việc áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn. Tương tự, Thẩm phán có quyền quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung, quyết định đình chỉ, tạm đình chỉ vụ án nếu thấy có đủ căn cứ, còn Kiểm sát viên chỉ là người báo cáo đề xuất để Viện trưởng, Phó Viện trưởng ra những quyết định đó.

*Thứ hai*, Kiểm sát viên không thực sự được độc lập khi thực hiện các quyền hạn tố tụng của mình. Trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự, Kiểm sát viên là người trực tiếp kiểm sát việc khởi tố, kiểm sát các hoạt động điều tra nên là người nắm bắt rõ nhất những trường hợp đủ căn cứ để khởi tố vụ án hoặc thay đổi quyết



định khởi tố vụ án, khởi tố bị can; căn cứ truy nã bị can; căn cứ tạm đình chỉ, đình chỉ vụ án hoặc căn cứ thay đổi điều tra viên... nhưng lại không có những quyền hạn này mà vẫn phải báo cáo Viện trưởng, Phó Viện trưởng quyết định. Chẳng hạn, tại Điều 49 và Điều 302 BLTTHS năm 2015 có quy định Kiểm sát viên có quyền đề nghị thay đổi người tiến hành tố tụng nhưng tại Điều 42 BLTTHS năm 2015 thì lại quy định quyền yêu cầu CQĐT thay đổi Điều tra viên thuộc về lãnh đạo Viện. Sự không độc lập này xuất phát từ nguyên tắc tập trung, thống nhất lãnh đạo trong ngành (nguyên tắc thủ trưởng chế). Tuy nhiên, sự thống nhất lãnh đạo là sự chỉ đạo, hướng dẫn nghiệp vụ của Viện trưởng, Phó Viện trưởng đối với Kiểm sát viên, còn khi giải quyết vụ án, Kiểm sát viên vẫn phải thực hiện theo đúng quy định của pháp luật và phải chịu trách nhiệm về quyết định và hành vi của mình. Hơn nữa, những căn cứ để xác định những trường hợp nêu trên đều được quy định cụ thể trong BLTTHS năm 2015 nên không quá khó khăn để Kiểm sát viên có thể độc lập thực hiện và xác định trách nhiệm của bản thân mình...

*Thứ ba*, trong quá trình giải quyết VAHS có những quyết định mà sự nhanh chóng, chính xác ảnh hưởng lớn đến chất lượng giải quyết vụ án như: quyết định áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn; quyết định trả hồ sơ điều tra bổ sung; quyết định tạm đình chỉ hoặc đình chỉ vụ án; quyết định việc thay đổi quyết định truy tố tại phiên tòa... nhưng lại phụ thuộc vào tính đúng đắn, kịp thời của các quyết định tố tụng do Viện trưởng, Phó Viện trưởng ban hành. Đối với các quyết định áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn thì chỉ có Viện trưởng, Phó Viện trưởng được phép ban hành với lý do một số biện pháp ngăn chặn như tạm giữ, tạm giam có ảnh hưởng đến quyền và lợi ích cơ bản của bị can, bị cáo nên phải bảo đảm các quyền và lợi ích hợp pháp cho họ. Tuy nhiên, ngoài các biện pháp ngăn chặn nêu trên còn có một số biện pháp ngăn chặn mà Kiểm sát viên hoàn toàn có thể thực hiện như cấm đi khỏi nơi cư trú, bảo lãnh, đặt tiền hoặc tài sản có giá trị để bảo đảm. Đối với quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung thì xét về tính chất cũng tương tự như việc đề ra yêu cầu điều tra, chỉ khác là yêu cầu điều tra được thực hiện trong giai đoạn điều tra còn trả hồ sơ yêu cầu điều tra bổ sung được thực

hiện trong giai đoạn truy tố. Đối với quyết định thay đổi quyết định truy tố tại phiên tòa thì theo quy định tại Điều 319, 325 BLTTHS năm 2015, Kiểm sát viên khi thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử tại phiên tòa có thể rút một phần hoặc toàn bộ quyết định truy tố hoặc kết luận về tội nhẹ hơn. Trong quy chế THQCT và kiểm sát xét xử sơ thẩm của ngành kiểm sát có quy định: *“Sau khi xét hỏi, nếu có căn cứ rút một phần hay toàn bộ quyết định truy tố; có tình tiết mới theo hướng có lợi cho bị cáo làm thay đổi quyết định truy tố thì kiểm sát viên quyết định và phải chịu trách nhiệm về quyết định của mình”*, còn nêu *“có đủ căn cứ để kết luận về một tội danh khác nặng hơn thì kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa và báo cáo lãnh đạo Viện quyết định”* (khoản 3 Điều 19). Xét thấy, những quy định này tuy đã trao cho Kiểm sát viên những quyền hạn tố tụng nhất định đối với việc thay đổi quyết định truy tố tại phiên tòa nhưng vẫn hạn chế trong trường hợp phát sinh tội danh khác nặng hơn. Nếu không quy định quyền thay đổi quyết định truy tố tại phiên tòa thì vô hình chung chưa giải quyết được vấn đề tăng cường khả năng tranh tụng của Kiểm sát viên, thậm chí dẫn đến hậu quả nhiều Kiểm sát viên không có quan điểm cá nhân về các vụ án mà dựa dẫm, phụ thuộc vào lãnh đạo Viện, không có tư tưởng chịu trách nhiệm về hành vi của mình.

Từ những phân tích trên, tác giả đề xuất sửa đổi một số quy định tại khoản 1 Điều 43 BLTTHS năm 2015 về nhiệm vụ, quyền hạn của Kiểm sát viên theo hướng giao thêm một số quyền hạn tố tụng cho Kiểm sát viên như: quyền quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung; quyền quyết định tạm đình chỉ hoặc đình chỉ vụ án, ra quyết định áp dụng, thay đổi hủy bỏ biện pháp ngăn chặn trừ biện pháp tạm giam. Bên cạnh đó, tăng cường chức năng buộc tội trong thủ tục xét xử, chủ động thay đổi nội dung buộc tội. Điều này không những làm tăng lên trách nhiệm, uy tín của VKS mà còn khẳng định tính khách quan, công minh, tuân thủ pháp luật trong hoạt động của Kiểm sát viên. Cụ thể là:

*Điều 43. Nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Kiểm sát viên được sửa đổi như sau:*

1. Kiểm sát viên được phân công thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong hoạt động tố tụng đối với vụ án hình sự có những nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

a) Kiểm sát việc tiếp nhận, giải quyết nguồn tin về tội phạm của cơ quan, người có thẩm quyền;

b) Trực tiếp giải quyết và lập hồ sơ giải quyết nguồn tin về tội phạm;

c) Kiểm sát việc thụ lý, giải quyết nguồn tin về tội phạm, khởi tố, áp dụng biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế; kiểm sát việc lập hồ sơ giải quyết nguồn tin về tội phạm, việc lập hồ sơ vụ án của cơ quan, người có thẩm quyền điều tra; kiểm sát hoạt động khởi tố, điều tra của Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra;

d) Trực tiếp kiểm sát việc khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi, đối chất, nhận dạng, nhận biết giọng nói, thực nghiệm điều tra, khám xét;

đ) Kiểm sát việc tạm đình chỉ, phục hồi việc giải quyết nguồn tin về tội phạm; việc tạm đình chỉ điều tra, đình chỉ điều tra, phục hồi điều tra, kết thúc điều tra;

e) Đề ra yêu cầu điều tra; yêu cầu Cơ quan điều tra truy nã, đình nã bị can;

g) *Quyết định áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn theo quy định của Bộ luật này (riêng biện pháp tạm giam phải do Viện trưởng, Phó Viện trưởng VKS quyết định); kiểm sát việc bắt, tạm giữ, tạm giam;*

h) *Quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung;*

i) *Quyết định tạm đình chỉ hoặc đình chỉ vụ án;*

k) Triệu tập và hỏi cung bị can; triệu tập và lấy lời khai người tố giác, báo tin về tội phạm, người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố, người đại diện theo pháp luật của pháp nhân, người làm chứng, bị hại, đương sự; lấy lời khai người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp;

l) Quyết định áp giải người bị bắt, bị can; quyết định dẫn giải người làm chứng, người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố, bị hại; quyết định giao người

dưới 18 tuổi cho cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm giám sát; quyết định thay đổi người giám sát người dưới 18 tuổi phạm tội;

m) Trực tiếp tiến hành một số hoạt động điều tra theo quy định của Bộ luật này;

n) Yêu cầu thay đổi người có thẩm quyền tiến hành tố tụng; yêu cầu hoặc đề nghị cử, thay đổi người bào chữa; yêu cầu cử, đề nghị thay đổi người phiên dịch, người dịch thuật;

o) Tiến hành tố tụng tại phiên tòa; công bố cáo trạng hoặc quyết định truy tố theo thủ tục rút gọn, các quyết định khác của Viện kiểm sát về việc buộc tội đối với bị cáo; xét hỏi, đưa ra chứng cứ, tài liệu, đồ vật, luận tội, tranh luận, phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án tại phiên tòa, phiên họp;

p) Kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong giai đoạn xét xử của Tòa án và những người tham gia tố tụng; kiểm sát bản án, quyết định và các văn bản tố tụng khác của Tòa án;

q) Kiểm sát việc thi hành bản án, quyết định của Tòa án;

r) Thực hiện quyền yêu cầu, kiến nghị theo quy định của pháp luật;

s) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn tố tụng khác thuộc thẩm quyền của Viện kiểm sát theo sự phân công của Viện trưởng Viện kiểm sát theo quy định của Bộ luật này.

Theo các quy định của pháp luật hiện hành. Trong quá trình THQCT và kiểm sát điều tra các VAHS, VKS có thẩm quyền đề ra yêu cầu điều tra đối với CQĐT. Đây là nội dung quan trọng trong việc thực hiện chức năng THQCT nhằm bảo đảm việc điều tra được khách quan, toàn diện và đầy đủ. Như vậy, yêu cầu điều tra của Viện KSND đối với CQĐT có vị trí, vai trò rất quan trọng, được ví như một sợi chỉ đỏ xuyên suốt quá trình điều tra. Tuy nhiên, BLTTHS năm 2015 tuy chưa thi hành nhưng chế định yêu cầu điều tra của Viện KSND còn chung chung nên tiếp tục cần hoàn thiện các quy định của pháp luật về yêu cầu điều tra theo hướng như sau:

*Thứ nhất*, sửa đổi điểm e khoản 1 Điều 42 BLTTHS năm 2015 như sau:

Khi thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra Kiểm sát viên phải đề ra yêu cầu điều tra, nếu yêu cầu điều tra không được CQĐT thực hiện hoặc thực hiện chưa đầy đủ mà không có lý do chính đáng thì Kiểm sát viên có thể trực tiếp tiến hành một số biện pháp điều tra mà không phải trả hồ sơ để điều tra bổ sung. Kiểm sát viên trực tiếp tiến hành một số biện pháp điều tra trong giai đoạn điều tra khi xét thấy cần thiết hoặc sau khi kết thúc điều tra mà xét thấy không cần thiết phải trả hồ sơ để điều tra bổ sung.

*Thứ hai*, BLTTHS năm 2015 quy định một số trường hợp CQĐT phải chuyển hồ sơ cùng các tài liệu liên quan để VKS cùng cấp nghiên cứu, xem xét phê chuẩn nhưng sau khi khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can...nhưng còn nhiều trường hợp khác BLTTHS chưa quy định rõ nên trong thực tiễn Kiểm sát viên đã gặp khó khăn do CQĐT không chuyển hồ sơ, tài liệu để nghiên cứu. Vì vậy, đề nghị tiếp tục sửa đổi, bổ sung vấn đề này trong BLTTHS theo hướng CQĐT phải gửi ngay toàn bộ hồ sơ, tài liệu của vụ án cho VKS cùng cấp nghiên cứu khi vụ án có phát sinh tài liệu mới.

*Thứ ba*, sửa đổi bổ sung Điều 167 BLTTHS năm 2015 về trách nhiệm của CQĐT trong việc thực hiện các yêu cầu và quyết định của VKS theo hướng:

Trong trường hợp quy định tại Điều 165 BLTTHS năm 2015, CQĐT có trách nhiệm thực hiện các yêu cầu và quyết định của VKS. Đồng thời, cần quy định rõ chế tài đối với Điều tra viên nếu không thực hiện các yêu cầu của VKS dẫn đến bỏ lọt tội phạm, làm oan người vô tội hoặc do không thực hiện yêu cầu điều tra của VKS nên vụ án phải trả hồ sơ để điều tra bổ sung.

*Đối với Điều 201 và Điều 202 BLTTHS năm 2015 quy định:*

Kiểm sát viên phải có mặt khi khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi. Đối với những vụ án phải thực nghiệm điều tra luật quy định Kiểm sát viên phải có mặt nếu vắng mặt thì phải ghi rõ vào biên bản. Trên thực tế, những vụ án phải tiến hành thực nghiệm điều tra là những vụ án khó, phức tạp, việc xác định và đánh giá chứng cứ có nhiều khó khăn nên phải dựng lại hiện trường, diễn lại hành vi phạm tội hoặc những hành vi liên quan đến hành vi phạm tội để kết hợp với các tài

liệu điều tra, lời khai bị can, nhân chứng... Nhằm xác định sự thật khách quan của vụ án. Thậm chí có trường hợp thông qua thực nghiệm điều tra đã xác định có tội phạm xảy ra hay không, bị can có thực sự là người thực hiện hành vi phạm tội hay không. Tuy nhiên, Điều 204 BLTTHS năm 2015 chỉ quy định sự có mặt của Kiểm sát viên trong khi CQĐT tiến hành thực nghiệm điều tra nếu vắng mặt phải ghi rõ vào biên bản. Vì vậy, thấy cần phải bổ sung vào Điều 204 BLTTHS năm 2015 nội dung là Kiểm sát viên phải có mặt khi CQĐT tiến hành thực nghiệm điều tra.

*3.2.2. Cần sớm kiện toàn tổ chức Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện và hoàn thiện đội ngũ Kiểm sát viên, Kiểm tra viên theo Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân 2014*

- Tổ chức Viện KSND cấp huyện theo mô hình của Luật tổ chức Viện KSND năm 2014.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Luật tổ chức Viện KSND 2014, tổ chức bộ máy của Viện KSND cấp huyện gồm có Văn phòng và các phòng, những nơi chưa đủ điều kiện thành lập phòng thì có các bộ phận công tác và bộ máy giúp việc. Với thực tiễn hoạt động của Viện KSND huyện Lộc Ninh cũng như tham khảo thực tiễn hoạt động của các VKS huyện, thị xã khác trên địa bàn tỉnh Bình Phước trong thời gian qua có thể thấy, với lượng án hình sự tương đối lớn mà Viện KSND huyện Lộc Ninh đã THQCT và KSĐT thì trong thời gian tới cần thành lập các phòng nghiệp vụ để thực hiện chức năng THQCT và KSĐT theo các lĩnh vực cụ thể. Trên cơ sở thực tiễn, luận văn đề xuất Viện KSND huyện Lộc Ninh cần phải được tổ chức thành các phòng chuyên môn, theo đó trong lĩnh vực THQCT và KSĐT án hình sự cần có các phòng: Phòng THQCT và KSĐT án kinh tế - Chức vụ; Phòng THQCT và KSĐT án hình sự về trật tự xã hội; Phòng THQCT và KSĐT án ma túy; Phòng kiểm sát việc tạm giữ, tạm giam và thi hành án hình sự.

- Đổi mới và nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ Kiểm sát viên, Kiểm tra viên.

Như đã nói ở trên, yếu tố con người có vai trò quyết định đến sự thành bại trong mọi mối quan hệ xã hội. Đối với lĩnh vực pháp luật thì con người là chủ thể

xây dựng pháp luật và cũng là chủ thể áp dụng pháp luật. Nếu một Nhà nước có hệ thống pháp luật tốt nhưng lại có cán bộ thực thi pháp luật yếu thì hiệu quả pháp luật không đạt được. Do vậy, trên cơ sở đánh giá tác giả nhận thấy:

Công tác cán bộ của các cơ quan tư pháp chưa đáp ứng được yêu cầu của tình hình hiện nay, đội ngũ cán bộ tư pháp còn thiếu về số lượng, yếu về trình độ và năng lực nghiệp vụ... Đây là vấn đề nghiêm trọng làm ảnh hưởng đến kỷ cương, pháp luật, làm giảm hiệu lực của bộ máy nhà nước [3].

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng đã khẳng định: *“Đổi mới công tác tổ chức và cán bộ của ngành kiểm sát là một trong những biện pháp quan trọng để thúc đẩy Viện kiểm sát làm tốt chức năng công tố”*. Thực hiện tinh thần các Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng, Quốc hội đã thông qua Luật tổ chức Viện KSND năm 2014 trong đó quy định rất cụ thể về tiêu chuẩn, trình độ và trách nhiệm của đội ngũ Kiểm sát viên, Kiểm tra viên. Do đó, Viện KSND huyện Lộc Ninh cần phải triển khai một số nhiệm vụ cấp bách sau đây.

*Một là*, xây dựng đội ngũ cán bộ luôn phải gắn với chủ trương của Đảng và chính sách pháp luật của Nhà nước.

*Hai là*, khi xây dựng đội ngũ cán bộ phải đảm bảo về số lượng, đồng bộ về cơ cấu, đảm bảo sự kế thừa, chuyển tiếp giữa các thế hệ cán bộ. Cần bổ sung biên chế cho Viện KSND huyện Lộc Ninh và phải đảm bảo trong đơn vị luôn đan xen đội ngũ cán bộ của các thế hệ để các thế hệ lâu năm, nhiều kinh nghiệm hướng dẫn, dìu dắt và truyền đạt những kiến thức thực tiễn cho lớp kế cận bởi vì tội phạm ngày càng phức tạp và nguy hiểm, nếu không có kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ và kinh nghiệm thì rất khó khăn trong việc đấu tranh, giải quyết vụ án.

*Ba là*, cán bộ, Kiểm sát viên Viện KSND huyện Lộc Ninh phải không ngừng rèn luyện nâng cao ý thức chính trị, phẩm chất đạo đức và tinh thần trách nhiệm, đồng thời tiếp tục nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

Trước hết, mỗi cán bộ, Kiểm sát viên phải không ngừng rèn luyện nâng cao ý thức chính trị, phẩm chất đạo đức, trách nhiệm theo tinh thần lời dạy của Bác Hồ: *“Công minh, chính trực, khách quan, thận trọng và khiêm tốn”*. Rèn luyện ý thức

chính trị đòi hỏi cán bộ, Kiểm sát viên nắm vững đường lối, chủ trương, chính sách pháp luật của Nhà nước trong các lĩnh vực khác nhau nhất là lĩnh vực đấu tranh phòng, chống tội phạm. Điều này giúp cho cán bộ, Kiểm sát viên thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình một cách có lý, có tình được nhân dân tin tưởng, giúp đỡ. Nếu xa rời ý thức chính trị dễ làm cho cán bộ, Kiểm sát viên mất ý thức rèn luyện, dễ bị những lợi ích vật chất, tinh thần cám dỗ dẫn đến vi phạm pháp luật, thậm chí là phạm tội. Các cán bộ, Kiểm sát viên trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình khi kiểm sát điều tra hàng ngày hàng giờ phải tiếp xúc với những mặt trái xã hội, tiếp xúc với đủ loại vi phạm và tội phạm, nếu không thường xuyên trau dồi đạo đức, rèn luyện ý thức chính trị sẽ rất dễ bị sa ngã. Bên cạnh đó, mỗi cán bộ, Kiểm sát viên cần nhìn nhận đúng đắn vị trí, vai trò, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của ngành để có thể chủ động, linh hoạt, sáng tạo trong công việc tránh sự ỷ lại, thụ động và máy móc.

Muốn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao phó thì cán bộ, Kiểm sát viên phải nắm chắc kiến thức lý luận về Luật học và các quy định của pháp luật, các quy chế của ngành, đặc biệt là các quy định của pháp luật hình sự, pháp luật TTHS. Đồng thời, phải được trang bị những kỹ năng, thao tác nghiệp vụ nhất định, trước hết là kỹ năng THQCT và KSĐT. Do vậy, bản thân mỗi cán bộ, Kiểm sát viên phải không ngừng học tập, ra sức nghiên cứu, thường xuyên trau dồi kỹ năng nghiệp vụ, cập nhật liên tục các văn bản pháp luật mới để đáp ứng yêu cầu công việc.

*3.2.3. Đổi mới công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành, phân định trách nhiệm trong công tác thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra*

Với bất kỳ cơ quan, tổ chức nào, công tác chỉ đạo, điều hành và quản lý đều đóng vai trò hết sức quan trọng. Đối với Viện KSND là cơ quan mà một trong những nguyên tắc hoạt động cơ bản là tập trung thống nhất thì vai trò của người lãnh đạo càng có ý nghĩa quan trọng:

Viện trưởng VKS chịu trách nhiệm tổ chức và chỉ đạo các hoạt động thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong hoạt động TTHS,



Viện trưởng, Phó Viện trưởng VKS phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về những hành vi và quyết định của mình [15].

Luật tổ chức Viện KSND năm 2014 cũng quy định: “*Khi thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp, Kiểm sát viên tuân theo pháp luật và chịu sự chỉ đạo của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân*” [16].

Quán triệt thực hiện các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Viện KSND theo quy định của Luật tổ chức Viện KSND năm 2014, đó là nguyên tắc tập trung thống nhất lãnh đạo. Nguyên tắc này thể hiện ở mỗi cấp kiểm sát, mọi hoạt động quản lý, chỉ đạo, điều hành đều do Viện trưởng thực hiện. Cán bộ, Kiểm sát viên phải tuyệt đối tuân thủ sự chỉ đạo điều hành của Viện trưởng. Viện trưởng Viện KDND cấp dưới chịu sự lãnh đạo của Viện trưởng Viện KSND cấp trên. Viện trưởng VKS cấp dưới chịu sự lãnh đạo thống nhất của Viện trưởng Viện KSND tối cao.

Như vậy, có thể khẳng định công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành có ý nghĩa quyết định chất lượng và hiệu quả của công tác THQCT trong giai đoạn điều tra các VAHS. Để tổ chức điều hành tốt hoạt động THQCT trong giai đoạn điều tra các vụ án XPSH, Viện KSND huyện Lộc Ninh cần thực hiện tốt các giải pháp sau:

*Thứ nhất*, tăng cường vai trò, trách nhiệm của Viện trưởng theo hướng phát huy tối đa năng lực nghiệp vụ và năng lực chuyên môn để lãnh đạo, chỉ đạo trong công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành tránh khuynh hướng “khoán trắng” cho cấp phó. Định kỳ trong cuộc họp giao ban tuần và hàng tháng, Viện trưởng phải bố trí nghe Phó Viện trưởng, Kiểm sát viên và Kiểm tra viên báo cáo kết quả công tác.

*Thứ hai*, cần nhận thức đổi mới công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành nghiệp vụ trong ngành KSND để phân biệt rõ công tác quản lý, điều hành với chỉ đạo, điều hành hoạt động nghiệp vụ như phân tích trên.

*Thứ ba*, tăng cường vai trò, trách nhiệm tham mưu nghiệp vụ trong việc “quản lý, điều hành” của cấp Phó và Kiểm sát viên, kiểm tra viên.

*Thứ tư*, Viện KSND huyện Lộc Ninh cần tổ chức quán triệt nghiêm túc các quy định của pháp luật, các chỉ thị, quy chế, hướng dẫn của ngành kiểm sát về mục

tiêu, nhiệm vụ, giải pháp tăng cường trách nhiệm công tố trong hoạt động điều tra, gắn công tố với hoạt động điều tra cho toàn thể cán bộ, Kiểm sát viên để thống nhất nhận thức và triển khai thực hiện nghiêm túc có hiệu quả chủ trương này; phải xác định đây là một chủ trương lớn, là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của ngành cần tập trung nghiên cứu, thực hiện để đáp ứng tốt hơn cho yêu cầu cải cách tư pháp.

*Thứ năm*, phân định được nhiệm vụ THQCT với nhiệm vụ kiểm sát hoạt động điều tra, mối quan hệ với các nhiệm vụ này trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn điều tra;

*Thứ sáu*, tăng cường mối quan hệ phối hợp giữa cơ quan VKS và CQĐT trong đấu tranh, phòng chống tội phạm xâm phạm sở hữu. Chủ động cùng với CQĐT nghiên cứu các tài liệu xác minh ban đầu về tội phạm để thống nhất quan điểm giải quyết đảm bảo quyết định khởi tố, không khởi tố vụ án hình sự có căn cứ và đúng pháp luật.

*Thứ bảy*, nâng cao tính độc lập của Kiểm sát viên trong việc gắn hoạt động công tố với hoạt động điều tra, đảm bảo tất cả các hoạt động điều tra đều được kiểm sát chặt chẽ, phải bám sát vụ án để nắm chắc án, thuộc án và luôn ở vai trò chủ động hướng cho CQĐT làm theo yêu cầu của mình. Mỗi Kiểm sát viên phải không ngừng nâng cao bản lĩnh nghề nghiệp, trách nhiệm chịu khó nghiên cứu văn bản, trích cứu hồ sơ, tranh thủ ý kiến lãnh đạo, các đồng nghiệp khác, luôn chủ động trong mọi tình huống xảy ra. Cần cân nhắc và hết sức thận trọng trước khi đề xuất lãnh đạo ra các quyết định tố tụng.

*Thứ tám*, đổi mới, nâng cao công tác tổ chức, cán bộ; công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của Viện trưởng VKS trong việc thực hiện chức năng công tố của VKS. Thực tiễn cho thấy nếu lãnh đạo quan tâm chỉ đạo thường xuyên thì hoạt động đạt hiệu quả cao hơn. Do vậy, công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành phải sát sao, thường xuyên, liên tục; cần có sự phân công, phân việc kịp thời, đúng năng lực, sở trường của từng Kiểm sát viên, Kiểm tra viên và tạo điều kiện thuận lợi nhất để Kiểm sát viên, Kiểm tra viên thực hiện nhiệm vụ;

*Thứ chín*, Để thực hiện tốt công tác quản lý, chỉ đạo điều hành thì Viện KSND huyện Lộc Ninh phải nghiêm chỉnh thực hiện công tác báo cáo thống kê định kỳ và báo cáo các vụ việc xảy ra có vướng mắc. Ví dụ khi THQCT trong giai đoạn điều tra các vụ án XPSH, thường xảy ra trường hợp CQĐT và VKS có quan điểm khác nhau về xác định tội danh (lừa đảo hay lạm dụng, cướp hay cướp giật...) hay có sự nghi ngờ về án hình sự hay tranh chấp về dân sự, kinh tế. Trong trường hợp này, Viện KSND huyện Lộc Ninh có thể báo cáo thỉnh thị Viện KSND tỉnh Bình Phước xin ý kiến về đường lối giải quyết vụ án.

*3.2.4. Tăng cường mối quan hệ phối hợp trên cơ sở pháp luật tổ tụng hình sự giữa Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh với cơ quan điều tra và các cơ quan, tổ chức hữu quan khác trong thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra các vụ án xâm phạm sở hữu*

Đấu tranh phòng chống tội phạm là nhiệm vụ của toàn xã hội song trước hết là nhiệm vụ của các cơ quan bảo vệ pháp luật trong đó có VKS. Viện kiểm sát thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình một cách độc lập theo quy định của pháp luật song để hoạt động đó có hiệu quả thì Viện KSND huyện Lộc Ninh phải tiến hành các hoạt động nghiệp vụ của mình trong mối quan hệ khăng khít với các cơ quan tiến hành tố tụng khác đặc biệt là CQĐT, bên cạnh đó là các ban ngành địa phương:

Các cơ quan tiến hành tố tụng cần phải duy trì họp liên ngành theo định kỳ để trao đổi, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình giải quyết các VAHS nói chung và các vụ án XPSH nói riêng. Viện KSND huyện Lộc Ninh cần chủ động phối hợp với CQĐT và Toà án hàng năm đưa ra các vụ án trọng điểm để từ đó rút kinh nghiệm trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của VKS khi THQCT trong giai đoạn điều tra các vụ án hình sự nhóm tội phạm này.

Viện KSND huyện Lộc Ninh phải thường xuyên, chủ động phối hợp cùng với các cơ quan, tổ chức hữu quan để tìm ra những điều kiện, nguyên nhân của tội phạm và vi phạm pháp luật trong ngành, lĩnh vực hoạt động của mình. Từ đó, đưa ra giải pháp, kiến nghị, thống nhất phương hướng đấu tranh phòng, chống tội phạm và

vi phạm pháp luật. Định kỳ VKS phải báo cáo cấp ủy tình hình tội phạm, vi phạm pháp luật ở địa phương mình, đồng thời tham mưu cho cấp Ủy về chủ trương biện pháp đấu tranh phòng, chống tội phạm.

*3.2.5. Quan tâm đầu tư cơ sở vật chất, phương tiện làm việc cho Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh nói chung và đội ngũ cán bộ, Kiểm sát viên thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra các vụ án hình sự*

Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, phương tiện làm việc cho các VKS trong thời gian tới là một yêu cầu khách quan để phục vụ tốt hơn cho hoạt động nghiệp vụ của ngành kiểm sát và yêu cầu này cũng chính là thực hiện một trong tám nhiệm vụ trọng tâm mà Nghị quyết số 08/NQ-TW của Bộ Chính trị đã nêu là:

Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất bảo đảm cho các cơ quan tư pháp có đủ điều kiện để hoàn thành nhiệm vụ, có chế độ chính sách hợp lý đối với cán bộ tư pháp...và sớm nghiên cứu chế độ bồi dưỡng cho Thẩm phán, Thẩm tra viên; Kiểm sát viên, Kiểm tra viên; Điều tra viên, Cán bộ điều tra, thư ký phiên tòa với mức phụ cấp thỏa đáng, phù hợp với chất lượng và khối lượng công việc... [4, tr. 23]; [2, tr .3]; [1, tr. 7].

Do vậy, tác giả kiến nghị các cấp, các ngành Trung ương cần quan tâm đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp, hiện đại hoá cơ sở vật chất, trang thiết bị đảm bảo phòng làm việc rộng rãi, hiện đại, thông thoáng, đủ diện tích làm việc cho tất cả các đơn vị VKS nói chung và VKSND huyện Lộc Ninh nói riêng. Đồng thời, trang bị đầy đủ những phương tiện cần thiết phục vụ cho quá trình thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của VKS khi THQCT trong giai đoạn điều tra các vụ án hình sự như: Ô tô phục vụ cho việc đi công tác, máy photocopy, máy vi tính có nối mạng internet, máy ảnh, camera, găng tay, khẩu trang chống độc phục vụ cho công tác kiểm sát việc khám nghiệm hiện trường, tử tụng hồ sơ tài liệu, mua sắm các tài liệu, sách báo để nghiên cứu phục vụ công tác nghiệp vụ...

## KẾT LUẬN

Trong giai đoạn phát triển hội nhập toàn diện của đất nước, Đảng và Nhà nước ta đã đặt ra yêu cầu cải cách tư pháp phục vụ cho sự nghiệp phát triển đất nước. VKSND là một cơ quan trong hệ thống cơ quan tư pháp, vinh dự được Đảng và Nhà nước giao nhiệm vụ bảo vệ pháp luật, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, góp phần bảo đảm pháp luật được chấp hành nghiêm chỉnh và thống nhất, được ghi nhận tại Điều 107 Hiến pháp năm 2013. Trong những năm qua, VKSND đã thực hiện tốt chức năng thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp, đáp ứng tốt theo yêu cầu cải cách tư pháp. Là một huyện miền núi biên giới phía Tây – Bắc của tỉnh Bình Phước, trong những năm qua VKSND huyện Lộc Ninh cũng đã đạt được nhiều thành tích trong thực hiện chức năng thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp, đặc biệt là công tác thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra vụ án xâm phạm sở hữu. Tuy nhiên, ngoài những thành tích đạt được VKSND huyện Lộc Ninh vẫn còn tồn tại những hạn chế, khó khăn, do vướng mắt từ góc độ lý luận cho đến thực tiễn đã làm ảnh hưởng đến chất lượng thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự nói chung và các vụ án xâm phạm sở hữu nói riêng.

Bởi vì, giai đoạn điều tra VAHS nói chung và điều tra các tội XPSH nói riêng mang một ý nghĩa đặc biệt quan trọng, hoạt động điều tra VAHS được thực hiện một cách đúng đắn, khách quan và toàn diện thì kết quả của nó sẽ là tiền đề, cơ sở để các cơ quan tiến hành tố tụng tiến hành các hoạt động tố tụng tiếp theo được chính xác, hiệu quả và các quyền, lợi ích hợp pháp của công dân được đảm bảo. Ngược lại, nếu hoạt động điều tra VAHS không đúng quy định pháp luật, điều tra không đầy đủ, thiếu toàn diện sẽ làm giảm chất lượng giải quyết vụ án, quá trình giải quyết vụ án sẽ bị kéo dài và gây ảnh hưởng tới quyền và lợi ích hợp pháp của công dân. Do vậy, nâng cao chất lượng và hiệu quả việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của VKS khi thực hiện chức năng trong giai đoạn điều tra các VAHS là yêu cầu luôn được đặt ra đối với ngành kiểm sát.

Trước những yêu đó, luận văn đã thực hiện một nghiên cứu toàn diện đi sâu tổng hợp, phân tích nêu ra những vấn đề lý luận về vị trí, vai trò, chức năng, nhiệm vụ, khái niệm, phạm vi, đối tượng, nội dung, đặc điểm của chức năng thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra vụ án xâm phạm sở hữu. Góp phần xây dựng phong phú thêm cơ sở lý luận, nhằm định hướng thống nhất nhận thức về chức năng thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra các vụ án xâm phạm sở hữu. Bên cạnh đó, luận văn cũng đã liên hệ những vấn đề thực tiễn về tình hình tội phạm, đặc điểm, nguyên nhân điều kiện phạm tội và đưa ra những dự đoán về tội phạm, nhằm phục vụ tốt cho công tác đấu tranh phòng chống tội phạm nói chung và công tác thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra các vụ án xâm phạm sở hữu của VKSND huyện Lộc Ninh. Đặc biệt, luận văn đã tổng hợp khái quát đưa ra những kết quả đạt được khi thực hiện trách nhiệm công tố trong các hoạt động khởi tố, điều tra, truy tố ở giai đoạn điều tra các vụ án xâm phạm sở hữu, để VKSND huyện Lộc Ninh nghiên cứu xây dựng những phương pháp hữu hiệu nâng cao năng lực nghiệp vụ, kỹ năng thực hành quyền công tố cho đội ngũ cán bộ, KSV, công chức VKSND huyện Lộc Ninh. Ngoài ra, cũng đã nêu lên những hạn chế, thiếu sót của VKSND huyện Lộc Ninh và đội ngũ KSV khi thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra các vụ án xâm phạm sở hữu, để thấy đó là bài học kinh nghiệm, tránh mắc phải những thiếu sót tương tự trong quá trình thực hiện chức năng nhiệm vụ của mình.

Từ những vấn đề lý luận và thực tiễn được tổng hợp, phân tích, đánh giá, luận văn đưa ra đồng bộ nhiều giải pháp về con người, tinh thần trách nhiệm, xây dựng mối quan hệ trong thực hiện nhiệm vụ, phương pháp chỉ đạo điều hành ... cùng với những giải pháp cụ thể khi thực hiện các hoạt động công tố, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra các vụ án xâm phạm sở hữu. Đồng thời, đưa ra các kiến nghị sửa đổi bổ sung một số điều trong BLHS và BLTTHS để tạo cơ sở pháp lý hoàn chỉnh cho VKSND thực hiện tốt chức năng mà Đảng, Nhà nước và nhân dân giao phó. Những giải pháp, kiến nghị mà luận văn hướng đến là nhằm góp phần xây dựng một nền tư

pháp trong sạch, vững mạnh, xây dựng Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân và vì dân.

Tuy với thời gian nghiên cứu có hạn nhưng tác giả cũng đã cố gắng hoàn thành cơ bản các vấn đề về lý luận và thực tiễn trong công tác thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra các vụ án xâm phạm sở hữu từ thực tiễn huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước, nhưng chắc chắn sẽ không tránh khỏi những điều sai sót, rất mong được sự đóng góp của các Thầy, Cô, các bạn và đồng nghiệp.

Xin chân thành cảm ơn Phó giáo sư - Tiến sĩ Trần Văn Độ, các Thầy, Cô, Ban Giám đốc Học viện Khoa học xã hội, Lãnh đạo Viện KSND huyện Lộc Ninh và các bạn, các đồng nghiệp đã tạo điều kiện thuận lợi để tác giả hoàn thành luận văn này.

## DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Chính trị (1986), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, Nxb Sự thật, Hà Nội;
2. Bộ Chính trị (2000), *Chỉ thị số 53-CT/TW ngày 21/3/2000 của Bộ Chính trị (khóa X) về một số công việc cấp bách các cơ quan tư pháp cần thực hiện trong năm 2000*, Hà Nội;
3. Bộ Chính trị (2002), *Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/1/2002 của Bộ Chính trị về công tác cải cách tư pháp trong thời gian tới*, Hà Nội;
4. Bộ Chính trị (2005), *Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24/5/2005 về chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020*, Hà Nội;
5. Bộ Chính trị (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội;
6. Chính phủ (2005), *Nghị định số 26/2005/NĐ-CP ngày 02/3/2005 về Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự*, Hà Nội;
7. Trần Văn Độ (2015), *Tài liệu hội thảo khoa học một số vấn đề về quyền công tố*, Học viện Khoa học xã hội;
8. Hồ Chí Minh (1995), *Toàn tập*, tập 5, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội;
9. Học viện Cảnh sát nhân dân (2013), *Giáo trình luật tố tụng hình sự*, Hà Nội;
10. Nguyễn Thu Hồng (2016), *Kiểm sát việc tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm từ thực tiễn tỉnh Lạng Sơn*, Luận văn Thạc sĩ luật học, Học viện KHXH;
11. Nguyễn Thị Kim Ngân (2016), *Thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử sơ thẩm vụ án hình sự*, Luận văn Thạc sĩ luật học, Học viện KHXH;
12. Nguyễn Hải Phong (2014), *Thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp trong giai đoạn điều tra*, Nxb Tư pháp, Hà Nội;



13. Trần Thị Phượng (2016), *Thực hành quyền công tố đối với các tội xâm phạm sức khoẻ con người từ thực tiễn tỉnh Bình Định*, Luận văn Thạc sĩ luật học, Học viện KHXH;
14. Quốc hội (2013), *Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Hà Nội;
15. Quốc hội (2003), *Bộ luật tố tụng Hình sự*, Hà Nội;
16. Quốc hội (2014), *Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân*, Hà Nội;
17. Quốc hội (2015), *Bộ luật tố tụng Hình sự*, Hà Nội;
18. Quốc hội (2009), *Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009)*, Hà Nội;
19. Nguyễn Tiên Sơn (1996), *Mối quan hệ giữa Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát trong tố tụng hình sự Việt Nam*, Luận văn Thạc sĩ luật học, Trường đại học luật Hà Nội;
20. Lê Hữu Thế, chủ nhiệm đề tài (2011), *Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu những vấn đề lý luận và thực tiễn của việc đổi mới thủ tục tố tụng hình sự đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp*, Đề tài độc lập cấp nhà nước, Viện khoa học kiểm sát - Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
21. Trần Thị Ngọc Thức (2016), *Thực hành quyền công tố ở giai đoạn xét xử sơ thẩm theo pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam từ thực tiễn tỉnh Tiền Giang*, Luận văn Thạc sĩ luật học, Học viện KHXH;
22. Đỗ Thái Trung (2015), *Kiểm sát điều tra các vụ án xâm phạm tính mạng, sức khoẻ của con người từ thực tiễn tỉnh Yên Bái*, Luận văn Thạc sĩ luật học, Học viện KHXH;
23. Trường đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ kiểm sát (2010), *Tập bài giảng đào tạo nghiệp vụ kiểm sát*, tập 3, Hà Nội;
24. Trường Đại học Luật Hà Nội (2013), *Giáo trình luật hình sự Việt Nam*, tập 2, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội;
25. Trường đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ kiểm sát (2016), *Tập bài giảng chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên sâu về các vụ án hình sự về các tội Lừa đảo*

*chiếm đoạt tài sản; Lạm dụng tín nhiệm; sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử để chiếm đoạt tài sản*, Tp.HCM;

26. Ủy ban thường vụ Quốc hội (2004), *Pháp lệnh số 23/2004/PL-UBTVQH11 ngày 20 tháng 8 năm 2004 về tổ chức điều tra hình sự*, Hà Nội;

27. Viện kiểm sát nhân dân tối cao – Bộ Công an – Bộ Quốc phòng (2001), *Thông tư Liên tịch số: 02/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BTP ngày 25/12/2001 về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định tại chương XIV “các tội xâm phạm sở hữu” của Bộ luật hình sự năm 1999*, Hà Nội;

28. Viện kiểm sát nhân dân tối cao – Bộ Công an – Bộ Quốc phòng (2005), *Thông tư liên tịch số 05/2005/TTLT-VKSTC-BCA-BQP ngày 07 tháng 9 năm 2005 Về quan hệ phối hợp giữa Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát về việc thực hiện một số quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003*, Hà Nội;

29. Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2006), *Sổ tay kiểm sát viên hình sự*, tập I, Hà Nội;

30. Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2008), *Quy chế thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong việc điều tra các vụ án hình sự (ban hành kèm theo Quyết định số 07/2008/QĐ-VKSNDTC ngày 02 tháng 01 năm 2008)*, Hà Nội;

31. Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2012), *Kế hoạch số 179/KH-VKSCT-V9 ngày 08/3/2012 về việc triển khai thực hiện cuộc vận động xây dựng đội ngũ cán bộ, Kiểm sát viên “Vững về chính trị, giỏi về nghiệp vụ, tinh thông về pháp luật, công tâm và bản lĩnh, kỷ cương và trách nhiệm”*, Hà Nội;

32. Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh (2011; 2012; 2013; 2014; 2015), *Báo cáo công tác kiểm sát năm 2011; 2012; 2013; 2014; 2015*, Bình Phước;

33. Võ Khánh Vinh (2014), *Luật Hình sự Việt Nam phần các tội phạm*, Nxb Khoa học xã hội.



## PHỤ LỤC

**Bảng 2.1. Thống kê số lượng án xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt  
Cơ quan điều tra Công an huyện Lộc Ninh đã điều tra, xử lý**

Kết quả giải quyết		Năm	2011	2012	2013	2014	2015	Tổng số
		Tổng số án CQĐT khởi tố	Vụ	<b>51</b>	<b>57</b>	<b>65</b>	<b>76</b>	<b>57</b>
	Bị can	<b>96</b>	<b>103</b>	<b>115</b>	<b>123</b>	<b>85</b>	<b>522</b>	
Trong đó	CQĐT đề nghị truy tố	Vụ	41	42	54	66	46	<b>249</b>
		Bị can	81	72	100	107	67	<b>427</b>
	CQĐT đình chỉ điều tra	Vụ	0	0	0	1	1	<b>2</b>
		Bị can	0	0	0	2	1	<b>3</b>
	CQĐT tạm đình chỉ điều tra	Vụ	3	0	1	1	1	<b>6</b>
		Bị can	4	2	4	4	0	<b>14</b>
Chuyển đi nơi khác	Vụ	0	2	1	0	0	<b>3</b>	
	Bị can	0	3	5	0	0	<b>8</b>	

*(Nguồn: Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh)*

**Bảng 2.2. Thống kê số lượng án xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt  
Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh đã xử lý**

Kết quả giải quyết		Năm	2011	2012	2013	2014	2015	Tổng số
		Tổng số án VKS thụ lý	Vụ	41	43	56	66	47
Bị can	81		76	102	107	69	435	
Trong đó	Truy tố	Vụ	35	42	56	66	47	246
		Bị can	75	72	102	106	69	424
	Đình chỉ điều tra	Vụ	0	0	0	0	0	0
		Bị can	0	0	0	0	0	0
	Tạm đình chỉ điều tra	Vụ	0	0	0	1	0	0
		Bị can	0	0	0	1	0	1
	Trả hồ sơ điều tra bổ sung	Vụ	0	1	0	0	0	1
		Bị can	0	1	0	0	0	1

(Nguồn: Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh)

**Bảng 2.3. Thống kê các loại tội xâm phạm sở hữu Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lộc Ninh đã điều tra, xử lý**

Năm		2011	2012	2013	2014	2015	Tổng số
<b>Kết quả xử lý (Vụ/Bị can)</b>							
Tội cướp tài sản	Khởi tố	8/22	13/28	8/14	7/11	4/6	<b>40/81</b>
	Đề nghị truy tố	6/11	9/21	6/11	5/7	3/5	<b>23/44</b>
	Đình chỉ	0	0	0	0/1	0	<b>0/1</b>
	Tạm đình chỉ	0/1	0/2	1/1	0	0	<b>1/4</b>
	Chuyển nơi khác	0	1/1	0	0	0	<b>1/1</b>
Cưỡng đoạt tài sản	Khởi tố	0	1/4	2/8	0	0	<b>3/12</b>
	Đề nghị truy tố	0	0	2/8	0	0	<b>2/8</b>
	Đình chỉ	0	0	0	0	0	<b>0</b>
	Tạm đình chỉ	0	0	0	0/1	0	<b>0</b>
	Chuyển nơi khác	0	0	0	0	0	<b>0</b>
Cướp giật tài sản	Khởi tố	2/7	3/6	6/12	4/9	0	<b>15/34</b>
	Đề nghị truy tố	5/12	1/12	5/11	4/9	0	<b>15/34</b>
	Đình chỉ	0	0	0	0	0	<b>0</b>
	Tạm đình chỉ	0	0	0	0	0	<b>0</b>
	Chuyển nơi khác	0	0	0	0	0	<b>0</b>
Công nhiên chiếm đoạt tài	Khởi tố	0	0	0	0	0	<b>0</b>

sản							
	Đề nghị truy tố	0	0	0	0	0	<b>0</b>
	Đình chỉ	0	0	0	0	0	<b>0</b>
	Tạm đình chỉ	0	0	0	0	0	<b>0</b>
	Chuyển nơi khác	0	0	0	0	0	<b>0</b>
Trộm cắp tài sản	Khởi tố	26/49	21/41	33/60	45/76	44/70	<b>169/296</b>
	Đề nghị truy tố	15/33	19/32	29/53	40/68	35/57	<b>138/343</b>
	Đình chỉ	0	0	0	0	0	<b>0</b>
	Tạm đình chỉ	3/3	0	0/3	1/4	1/0	<b>5/10</b>
	Chuyển nơi khác	0	0	1/5	0	0	<b>1/5</b>
Lừa đảo chiếm đoạt tài sản	Khởi tố	3/3	6/7	8/11	15/16	3/3	<b>35/40</b>
	Đề nghị truy tố	0	3/3	6/9	11/12	2/2	<b>22/26</b>
	Đình chỉ	0	0	0	1/1	1/1	<b>2/2</b>
	Tạm đình chỉ	0	0	0	0	0	<b>0</b>
	Chuyển nơi khác	0	1/2	0	0	0	<b>1/2</b>
Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản	Khởi tố	3/3	9/9	5/5	3/3	5/5	<b>25/25</b>
	Đề nghị truy tố	7/7	6/6	4/4	3/3	5/5	<b>25/25</b>
	Đình chỉ	0	0	0	0	0	<b>0</b>
	Tạm đình chỉ	0	0	0	0	0	<b>0</b>
	Chuyển nơi	0	0	0	0	0	<b>0</b>

	khác						
Huỷ hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản	Khởi tố	0	4/8	0	3/8	1/1	<b>8/17</b>
	Đề nghị truy tố	2/12	4/8	3/5	3/8	0	<b>12/33</b>
	Đình chỉ	0	0	2/4	0	0	<b>2/4</b>
	Tạm đình chỉ	0	0	0	0	0	<b>0</b>
	Chuyển nơi khác	0	0	0	0	0	<b>0</b>

(Nguồn: Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh)

**Bảng 2.4. Thống kê các loại tội xâm phạm sở hữu Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh đã xử lý**

Cướp giạt tài sản	Tổng số thụ lý	5/12	1/2	4/9	20/23	0	<b>15/34</b>
	Truy tố	5/12	1/2	5/11	4/9	0	<b>15/34</b>
	Đình chỉ	0	0	0	0	0	<b>0</b>
	Tạm đình chỉ	0	0	0	0	0	<b>0</b>
	Chuyển nơi khác	0	0	0	0	0	<b>0</b>
	Trả điều tra bổ sung	0	0	0	0	0	<b>0</b>
Công nhiên chiếm đoạt tài sản	Tổng số thụ lý	0	0	0	0	0	<b>0</b>
	Truy tố				0	0	<b>0</b>
	Đình chỉ				0	0	<b>0</b>
	Tạm đình chỉ				0	0	<b>0</b>
	Chuyển nơi khác				0	0	<b>0</b>
	Trả điều tra bổ sung				0	0	<b>0</b>
Trộm cắp tài sản	Tổng số thụ lý	18/36	20/36	29/5 3	40/6 8	35/57	<b>142/ 250</b>
	Truy tố	15/33	20/36	29/5	40/6	38/57	<b>139/</b>



				3	8		<b>247</b>
	Đình chỉ	0	0	0	0	0	<b>0</b>
	Tạm đình chỉ	0	0	0	0	0	<b>0</b>
	Chuyển nơi khác	0	0	0	0	0	<b>0</b>
	Trả điều tra bổ sung	3/9	0	0	0	0	<b>3/9</b>
Lừa đảo chiếm đoạt tài sản	Tổng số thụ lý	0	3/3	7/10	11/12	2/2	<b>23/27</b>
	Truy tố	0	2/2	7/10	11/12	2/2	<b>22/26</b>
	Đình chỉ	0	0	0	0	0	<b>0</b>
	Tạm đình chỉ	0	0	0	0	0	<b>0</b>
	Chuyển nơi khác	0	0	0	0	0	<b>0</b>
	Trả điều tra bổ sung	0	0	0	0	0	<b>0</b>
Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản	Tổng số thụ lý	8/8	6/6	4/4	3/3	5/5	<b>26/26</b>
	Truy tố	7/7	6/6	4/4	3/3	5/5	<b>25/25</b>
	Đình chỉ	0	0	0	0	0	<b>0</b>
	Tạm đình chỉ	0	0	0	0	0	<b>0</b>
	Chuyển nơi khác	0	0	0	0	0	<b>0</b>
	Trả điều tra bổ sung	2/2	1/1	0	0	0	<b>3/3</b>
Huỷ hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản	Tổng số thụ lý	2/12	4/8	2/4	3/8	0/1	<b>11/33</b>
	Truy tố	2/12	4/8	2/4	3/7	0/1	<b>11/32</b>
	Đình chỉ	0	0	0	0	0	<b>0</b>
	Tạm đình chỉ	0	0	0	0/1	0	<b>01</b>
	Chuyển nơi khác	0	0	0	0	0	<b>0</b>
	Trả điều tra bổ sung	1/6	0	0	0	0	<b>1/6</b>
Tội cướp tài sản	Tổng số thụ lý	6/11	9/21	7/12	5/7	3/5	<b>30/56</b>
	Truy tố	6/11	8/20	7/12	5/7	3/5	<b>29/55</b>
	Đình chỉ	0	0	0	0	0	<b>0</b>

	Tạm đình chỉ	0	0	0	0/1	0	<b>0</b>
	Chuyển nơi khác	0	0	0	0	0	<b>0</b>
	Trả điều tra bổ sung	0	0	0	0	0	<b>0</b>
Cưỡng đoạt tài sản	Tổng số thụ lý	0	0	2/8	0	0	<b>2/8</b>
	Truy tố	0	0	2/8	0	0	<b>2/8</b>
	Đình chỉ	0	0	0	0	0	<b>0</b>
	Tạm đình chỉ	0	0	0	0	0	<b>0</b>
	Chuyển nơi khác	0	0	0	0	0	<b>0</b>
	Trả điều tra bổ sung	0	0	0	0	0	<b>0</b>

(Nguồn: Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh)

**Bảng 2.5. Thống kê kết quả thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra đối với việc khởi tố vụ án, khởi tố bị can của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh từ năm 2011 đến năm 2015**

<b>Năm</b>	<b>2011</b>	<b>2012</b>	<b>2013</b>	<b>2014</b>	<b>2015</b>	<b>Tổng số</b>
<b>Kết quả giải quyết</b>						
Yêu cầu khởi tố bị can	0	0	0	0	0	<b>0</b>
Hủy bỏ quyết định khởi tố vụ án	0	0	0	0	0	<b>0</b>
Hủy bỏ quyết định không khởi tố vụ án	0	0	0	0	0	<b>0</b>
Hủy bỏ quyết định khởi tố bị can	0	0	0	0	0	<b>0</b>
Phê chuẩn quyết định khởi tố bị can	96	103	85	104	72	<b>460</b>
Không phê chuẩn quyết định khởi tố bị can	0	0	0	0	0	<b>0</b>

(Nguồn: Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh)

**Bảng 2.6. Thống kê kết quả thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra đối với việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh từ năm 2011 đến năm 2015**

Kết quả giải quyết	Năm					Tổng số
	2011	2012	2013	2014	2015	
Phê chuẩn lệnh bắt khẩn cấp	22	36	29	39	7	<b>133</b>
Không phê chuẩn lệnh bắt khẩn cấp	0	0	0	0	0	<b>0</b>
Phê chuẩn gia hạn tạm giữ	52	60	57	50	13	<b>172</b>
Hủy bỏ lệnh tạm giữ	7	0	3	1	0	<b>11</b>
Phê chuẩn lệnh bắt BC để tạm giam, lệnh tạm giam	35	7	14	27	41	<b>124</b>
Thay thế tạm giam bằng biện pháp khác	2	3	3	5	3	<b>16</b>

*(Nguồn: Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh)*

**Bảng 2.7. Thống kê kết quả kiểm sát tiếp nhận, xử lý tố giác, tin báo về tội phạm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh**

Hoạt động kiểm sát		Năm					Tổng số
		2011	2012	2013	2014	2015	
Tố giác, tin báo thụ lí	Số lượng	6	25	32	50	30	143
	Tỷ lệ	100%	100%	100%	100%	100%	100%
Tin được kiểm tra, xác minh	Số lượng	6	25	32	50	30	143
	Tỷ lệ	100%	100%	100%	100%	100%	100%
Tin được khởi tố	Số lượng	2	10	15	29	8	64
	Tỷ lệ	33,33%	40%	46,8%	58%	26,6%	44,75%
Tin chuyển xử lí biện pháp khác	Số lượng	2	11	7	17	7	44
	Tỷ lệ	33,3%	44%	21,8%	34%	23,3%	30,76%
Tin chuyển theo thẩm quyền	Số lượng	0	0	2	0	2	4
	Tỷ lệ	0%	0%	6,25%	0%	6,66%	2,79%
Tin đang xác minh	Số lượng	2	4	8	4	13	31
	Tỷ lệ	33,33%	16%	25%	8%	43,33%	21,67%
Tin báo quá hạn	Số lượng	0	2	3	2	2	9
	Tỷ lệ	0%	8%	9,37%	4%	6,66%	6,29%

(Nguồn: Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh)

